

Mẫu số 01 - Mẫu văn bản trình cho phép thực hiện công trình, dự án... theo lệnh khẩn cấp phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19
(Theo Mẫu số 01 - Hướng dẫn số 1984/HD-LN ngày 14/10/2021 của liên ngành: KH&ĐT - Tài chính - Xây dựng - Y tế - TN&MT - Kho bạc nhà nước tỉnh)

CƠ QUAN ĐỀ XUẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

**Về việc cho phép thực hiện công trình, dự án
theo lệnh khẩn cấp phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19**

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh (huyện)....

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ (Các chỉ đạo của Ban chỉ đạo, Trung tâm chỉ huy phòng chống Covid-19 tỉnh);
Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số .../HD-LN ngày .../10/2021 về việc thực hiện đầu tư xây dựng công trình khẩn cấp phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Cơ quan Kính trình Chủ tịch UBND tỉnh (huyện).... cho phép thực hiện công trình, dự án theo lệnh khẩn cấp với nội dung chính như sau:

1. Tên công trình:
2. Mục đích đầu tư xây dựng:
3. Sự cần thiết đầu tư xây dựng công trình theo lệnh khẩn cấp: Thực trạng, khả năng diễn biến dịch bệnh....., số liệu người nhiễm bệnh, dự báo số người phải điều trị, số người cách ly, số liệu công dân đi làm ăn xa từ các tỉnh trở về tỉnh (huyện...) cần cách ly....
4. Sơ bộ quy mô xây dựng:
5. Sơ bộ giải pháp công nghệ (nếu có):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình (Chủ đầu tư):
8. Thời gian xây dựng công trình:

9. Dự kiến kinh phí:

10. Nguồn lực thực hiện:

11. Các yêu cầu cần thiết khác có liên quan (nếu có).

Cơ quan đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh (huyện) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.....b

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Mẫu số 02 - Mẫu Quyết định ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp... phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19

(Theo Mẫu số 02 - Hướng dẫn số 1984/HD-LN ngày 14/10/2021 của liên ngành: KH&ĐT - Tài chính - Xây dựng - Y tế - TN&MT - Kho bạc nhà nước tỉnh)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (HUYỆN)...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-CT

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp....
phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (HUYỆN)...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Tài chính - Kế hoạch) tại Tờ trình số..... và Tờ trình sốcủa cơ quan đề xuất xây dựng công trình khẩn cấp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành lệnh xây dựng công trình khẩn cấp..... phục vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 với các nội dung sau:

1. Tên công trình:
2. Mục đích đầu tư xây dựng:
3. Sơ bộ quy mô xây dựng:
4. Sơ bộ giải pháp công nghệ (nếu có):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình (Chủ đầu tư):
7. Thời gian xây dựng công trình:
8. Dự kiến kinh phí:
9. Nguồn lực thực hiện:

10. Các yêu cầu cần thiết khác có liên quan (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chủ tịch UBND huyện (Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình khẩn cấp) chỉ đạo thực hiện xây dựng công trình khẩn cấp tại điều 1 quyết định này theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, sớm hoàn thành công trình, đáp ứng yêu cầu của Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Chủ tịch UBND huyện (Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình khẩn cấp); Thủ trưởng các ngành (đơn vị) có quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thương trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- VP UBND tỉnh (huyện)...;
- Lưu:.....b

CHỦ TỊCH

Mẫu số 03 - Mẫu văn bản trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

(Theo Mẫu số 01 - Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3

Điều 14 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 04 - Mẫu Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
(Theo Mẫu số 02 - Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định báo cáo nghiên cứu khả thi
ĐT XD dự án...

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của..... trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số... /2021/NĐ-CP ngày ... tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có)
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

-;

- Lưu:...

Mẫu số 05 - Mẫu Quyết định phê duyệt dự án/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật
(Theo Mẫu số 03 - Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án (tên dự án...)*

(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có)

Theo đề nghị của.... tại Tờ trình số... ngày... của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án (tên dự án...) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo kinh tế-kỹ thuật) đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:
10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);
11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:
12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):

15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

***Ghi chú:** Mẫu số 08 áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Mẫu số 06 - Mẫu văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
(Theo Mẫu số 01 - Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ] **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

dự án: ____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: ____ [ghi tên người có thẩm quyền]

- Căn cứ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];
Căn cứ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
Căn cứ ____ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:
- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;
 - Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);
 - Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;
 - Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;
 - Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

Stt	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁴⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]				

Ghi chú:

- (1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.
- (2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.
- (3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.
- (4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc, ...).

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5]			

Ghi chú:

- (1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.
- (2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).
- (3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

[Chủ đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong **Bảng số 3** theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].

Bảng số 3

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
...								
Tổng giá gói thầu <i>[kết chuyển sang Bảng số 5]</i>								

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: ___ *[giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:*

+ *Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;*

+ *Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;*

+ *Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);*

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Loại hợp đồng;

g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Bảng số 4

Stt	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
n		
Tổng giá trị các phần công việc <i>[kết chuyển sang Bảng số 5]</i>		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình	

STT	Nội dung	Giá trị
	thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phân công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phân công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phân công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án		<i>[ghi tổng mức đầu tư của dự án]</i>

VII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[ghi tên chủ đầu tư]* đề nghị *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: *[ghi tên dự án]*.

Kính trình *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, quyết định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC TỜ TRÌNH

(Kèm theo Tờ trình số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___)

BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

Stt	Nội dung	Ghi chú
<i>1</i>	<i>Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự án ___</i>	<i>Bản chụp</i>
<i>2</i>	<i>Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự toán ___</i>	<i>Bản chụp</i>
	<i>Các văn bản phê duyệt tại Bảng số 1</i>	<i>Bản chụp</i>
<i>...</i>		
<i>n</i>		

Mẫu số 07 - Mẫu Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu
(Theo Mẫu số 02 - Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT)

[CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
[TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH] Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

về kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: _____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [ghi tên người có thẩm quyền]

- Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];
- Căn cứ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của dự án mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ _____ [văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định];
- Trên cơ sở tờ trình của _____ [ghi tên tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án _____ [ghi tên dự án] từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt] đến ngày ____ tháng ____ năm ____ [ghi ngày có báo cáo thẩm định] và báo cáo về kết quả thẩm định như sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án:

Phần này nêu khái quát về nội dung chính của dự án như sau:

- a) Tên dự án;
- b) Tổng mức đầu tư;
- c) Nguồn vốn;
- d) Tên chủ đầu tư;
- đ) Thời gian thực hiện dự án;
- e) Địa điểm, quy mô dự án;
- g) Các thông tin khác (nếu có).

2. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ chức thẩm định tóm tắt các nội dung theo tờ trình của chủ đầu tư, cụ thể như sau:

- a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: ___ [ghi giá trị];
- b) Tổng giá trị phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___ [ghi giá trị];
- c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ___ [ghi giá trị];
- d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ___ [ghi giá trị];
- đ) Tổng giá trị các phần công việc: ___ [bằng tổng các giá trị tại điểm a, b, c và d Mục này];
- e) Tổng mức đầu tư của dự án: ___ [ghi giá trị].

3. Tổ chức thẩm định:

Phần này nêu rõ cách thức làm việc của tổ chức thẩm định là theo nhóm hoặc độc lập trong quá trình thẩm định và cách thức thẩm định khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
1	Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
2	Văn bản phê duyệt nguồn vốn cho dự án		
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	Các văn bản pháp lý liên quan		

Ghi chú:

- Cột (1) ghi rõ tên, số, ngày ký, phê duyệt văn bản.
- Cột (2) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột (1) mà tổ chức thẩm định nhận được.
- Cột (3) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột (1) mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

- b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: ___ [căn cứ các tài liệu chủ đầu tư trình

và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 1**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có)].

2. Phân chia dự án thành các gói thầu:

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến nhận xét về việc phân chia dự án thành các gói thầu căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, tính đồng bộ của dự án và quy mô gói thầu hợp lý.

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: ___[tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về sự phù hợp giữa phần công việc đã thực hiện với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt trước đây];

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___[tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến (nếu có) đối với phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu];

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ___[tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến (nếu có) đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu];

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
STT	Nội dung thẩm định (1)	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp (2)	Không tuân thủ hoặc không phù hợp (3)
1	Tên gói thầu		
2	Giá gói thầu		
3	Nguồn vốn		
4	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu		
5	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu		
6	Loại hợp đồng		
7	Thời gian thực hiện hợp đồng		

Ghi chú:

- Cột số (2): đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của tổ chức thẩm định là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với yêu cầu của dự án.

- *Cột số (3): đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của tổ chức thẩm định là không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với yêu cầu của dự án. Đối với trường hợp này phải nêu rõ lý do không tuân thủ hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật liên quan hoặc không phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu.*

- *Ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ___ [căn cứ tài liệu do tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 2**, tổ chức thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, yêu cầu của dự án và những lưu ý cần thiết khác (nếu có).*

Đối với nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện sẽ được thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu. Những nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp cần được nêu cụ thể].

c) *Ý kiến thẩm định về tổng giá trị của các phần công việc: ___ [tổng giá trị của phần công việc đã thực hiện, phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) có bằng tổng mức đầu tư hay không và nêu những nội dung cần chỉnh sửa cho phù hợp].*

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định đưa ra nhận xét chung về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, các gói thầu có giá trị lớn, đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc trong từng trường hợp cụ thể (nếu cần thiết), tổ chức thẩm định có ý kiến đối với việc người có thẩm quyền giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu của các gói thầu thuộc dự án theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Kiến nghị

a) *Trường hợp nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì tổ chức thẩm định đề nghị người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo nội*

dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của ___[ghi tên chủ đầu tư] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định, phân tích như trên, ___[ghi tên tổ chức thẩm định] đề nghị ___[ghi tên người có thẩm quyền]:

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ___[ghi tên dự án].

- Cử cá nhân hoặc đơn vị có chức năng quản lý về hoạt động đấu thầu tham gia giám sát, theo dõi việc thực hiện đối với gói thầu: ___[ghi tên gói thầu] trong nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu để bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu¹.

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư thì cần đề xuất biện pháp giải quyết tại điểm này để trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ đầu tư;
- Lưu VT.

**[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

¹ Trường hợp tổ chức thẩm định không có đề nghị nội dung giám sát, theo dõi thì xóa bỏ nội dung này.

PHỤ LỤC BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo thẩm định số __ ngày __ tháng __ năm __)

BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	Văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Bản chính/Bản chụp
2	Văn bản của tổ chức thẩm định đề nghị chủ đầu tư bổ sung tài liệu, giải trình (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
3	Văn bản giải trình, bổ sung tài liệu của chủ đầu tư (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
4	Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
5	Biên bản họp thẩm định của tổ chức thẩm định (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
6	Ý kiến bảo lưu của cá nhân thuộc tổ chức thẩm định (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
7	- Danh sách các thành viên tham gia tổ chức thẩm định và phân công công việc giữa các thành viên (nếu có); - Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu của các thành viên trong tổ chức thẩm định; - Các chứng chỉ liên quan khác (nếu có).	
8	Các tài liệu có liên quan khác.	

Mẫu số 08 - Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
(Theo Mẫu số 03 - Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT)

[GHI TÊN CƠ QUAN CỦA
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án: _____ [ghi tên dự án]

_____[GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

Căn cứ _____[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013];

Căn cứ _____[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ _____[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày _____[ghi ngày, tháng, năm] của _____[ghi tên tổ chức thẩm định] về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án _____[ghi tên dự án];

Theo đề nghị của _____[ghi tên chủ đầu tư] tại văn bản tờ trình số _____[ghi số hiệu tờ trình] ngày _____[ghi ngày văn bản] về việc trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án _____[ghi tên dự án],

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: _____[ghi tên dự án] với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm².

Điều 2. [Ghi tên chủ đầu tư] chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

[Ghi tên tổ chức, cá nhân giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu] chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao theo Phụ lục kèm theo Quyết định này³.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. [ghi tên người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

[GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

² Phụ lục phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu chỉ có 01 gói thầu thì có thể ghi trực tiếp gói thầu bao gồm các nội dung tại Phụ lục đính kèm Mẫu này trong Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

³ Trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu không có nội dung giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu thì xóa bỏ nội dung này.

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ ÁN: _____ [ghi tên dự án]

(kèm theo Quyết định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___)

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tổ chức, cá nhân giám sát ¹
1									
2									
3									
...									
n									
Tổng giá trị các gói thầu									

¹ Ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu. Trường hợp không áp dụng thì xóa bỏ cột này.

Mẫu số 10 - Biên bản thương thảo Hợp đồng, bao gồm Mẫu số 10A đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp; Mẫu số 10B đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn
(Theo Phụ lục 6A đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp; Phụ lục 6B đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

1. Mẫu số 10A - Biên bản thương thảo Hợp đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp
(Theo Phụ lục 6A kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp)

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Số: _____ / _____

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như: Luật đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự án, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu...].

Hôm nay, ngày ___ / ___ / ___ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu: _____ [ghi tên Bên mời thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Nhà thầu: _____ [ghi tên nhà thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Hai bên đã thương thảo⁽¹⁾ và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

- *Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;*

- *Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế;*

- *Thương thảo về nhân sự;*

- *Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu*

có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

- Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng;

- Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào _____ ngày ____ / ____ / ____ . Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành _____ bản, bên A giữ _____ bản, bên B giữ ____ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng phải tuân thủ theo quy định trong HSMT, Nghị định 63/CP, Luật đấu thầu.

2. Mẫu số 10B - Biên bản thương thảo Hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn
(Theo Phụ lục 6B đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn)

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Số: _____ / _____

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như: Luật đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự án, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu....]

Hôm nay, ngày ___ / ___ / ___ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu: _____ [ghi tên Bên mời thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Nhà thầu: _____ [ghi tên nhà thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Hai bên đã thương thảo⁽¹⁾ và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

- *Nhiệm vụ và phạm vi công việc chi tiết của nhà thầu cần thực hiện;*
- *Chuyển giao công nghệ và đào tạo (nếu có);*
- *Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;*
- *Tiến độ;*
- *Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);*
- *Bố trí điều kiện làm việc;*

- Thương thảo về chi phí DVTV trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế của Việt Nam (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;

- Trường hợp đấu thầu quốc tế, phải nêu rõ thuế nhà thầu nước ngoài và thuế VAT phải nộp, phương thức nộp thuế...

- Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT với nhau dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

- Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

- Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào _____ ngày ___ / ___ / _____. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành _____ bản, bên A giữ _____ bản, bên B giữ _____ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng phải tuân thủ theo quy định trong HSMT, Nghị định 63/CP, Luật đấu thầu.

Mẫu số 11 - Mẫu Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư
(Theo Mẫu 5c - Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

Không ghi vào
khu vực này

Ký hiệu: C3-02/NS
Số:Năm NS:

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG VỐN ĐẦU TƯ
Tạm ứng sang thực chi Ứng trước chưa đủ điều kiện ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT

Tên dự án:.....

Chủ đầu tư:..... Mã ĐVQHNS:.....

Tài khoản:.....Tại KBNN:

Tên CTMT, DA:.....

Mã CTMT, DA: số CKC, HĐTH.....

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số:ngày /.../.....

Và số dư tạm ứng/ứng trước kinh phí đầu tư của dự án:.....

Đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán số tiền đã Tạm ứng
/ứng trước chưa đủ ĐKTT thành Thực chi /ứng trước đủ ĐKTT theo chi tiết sau:

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư tạm ứng/ứng trước	Số đề nghị thanh toán	Số KBNN duyệt thanh toán
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Ngày..... tháng năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Số tiền bằng chữ

.....

Ngày tháng năm

Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Mẫu số 12 - Mẫu Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành
(Theo Mẫu 8b - Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

Mã hiệu:

Số:

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH
(Áp dụng đối với các khoản thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước,
vốn ngoài nước)
THEO HỢP ĐỒNG BAN ĐẦU NGOÀI HỢP ĐỒNG BAN ĐẦU

Tên dự án:Mã dự án:

Tên gói thầu:

Căn cứ hợp đồng số:..... ngày...tháng...năm phụ lục bổ sung hợp đồng số: ngày.... thángnăm

Chủ đầu tư

Nhà thầu

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ngày tháng . năm

Đơn vị: Đồng

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng					Đơn giá thanh toán		Thành tiền (đồng)					Ghi chú
			Tổng số		Thực hiện			Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Tổng số		Thực hiện			
			Khối lượng theo hợp đồng ban đầu	Khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Theo hợp đồng ban đầu	Phát sinh so với hợp đồng ban đầu	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng														

- Giá trị hợp đồng ban đầu/Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu:
- Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
- Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
- Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
- Thanh toán để thu hồi tạm ứng:
- Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

Số tiền bằng chữ: (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)

7. Luỹ kế giá trị thanh toán:

Đại diện nhà thầu
(ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)

**Đại diện chủ đầu tư/ban quản lý dự án
chuyên ngành**
/ban quản lý dự án khu vực
(ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)

Mẫu số 13 - Mẫu Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư
(Theo Mẫu 11 - Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

Mã hiệu:

Số:

Chủ đầu tư:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

Tên dự án, công trình:.....Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư/Ban QLDA..... mã số ĐVSDNS:

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn trong nước tại:

- Vốn ngoài nước tại

Căn cứ hợp đồng số:.....ngày.... tháng năm..... Phụ lục bổ sung hợp đồng số...ngày...tháng...năm...

Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số...ngày.. ..tháng ...năm (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLHT)

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán đồng.

Số tiền đề nghị:	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: (đầu tư nguồn NSNN; CTMT,.....)

Thuộc kế hoạch vốn:Năm...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:

Bằng chữ:.....

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):.....

+ Vốn trong nước

+ Vốn ngoài nước.....
 - Thuế giá trị gia tăng
 - Chuyên tiền bảo hành (bằng số)
 - Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số)
 + Vốn trong nước
 + Vốn ngoài nước.....
 Tên đơn vị thụ hưởng
 Số tài khoản đơn vị thụ hưởng tại

KẾ TOÁN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm....
CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
CHUYÊN NGÀNH/ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
KHU VỰC
 (Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư.....

Kho bạc nhà nước chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
----------------------------	---------	------------	--------------------

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
- Mục..., tiêu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
.....			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
<i>Bằng chữ:</i>			
Số từ chối:			
<i>Lý do:</i>			

Ghi chú:

**Chuyên viên kiểm soát
 chi/Giao dịch viên**
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc KBNN
 (Ký, ghi rõ họ tên chức vụ
 và đóng dấu)

Mẫu số 14 - Mẫu Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện
(Theo Mẫu 12 - Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

Mã hiệu:

Số:.....

BẢNG KÊ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ THỰC HIỆN

Đơn vị: Đồng

Stt	Nội dung	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		Số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt			Ghi chú
		Số ngày, tháng, năm	Số tiền	Tổng số	Trong đó mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng		
					Số, ngày, tháng hợp đồng bàn giao nhà	Giá trị Biên bản nghiệm thu bàn giao	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I.	Thanh toán cho các cơ quan, tổ chức						
	1						
	2						
II.	Thanh toán trực tiếp cho hộ dân						
	1						
	2						

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Hướng dẫn phương pháp lập Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện

1. Về phương pháp ghi chép:

Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện được lập cho từng dự án. Trường hợp một dự án có nhiều phương án bồi thường được duyệt thì số tiền tạm ứng từ KBNN được thanh toán, chi trả cho các đối tượng thụ hưởng, người dân của các phương án nhưng phải thuộc cùng một dự án; cột chỉ tiêu số 2 (nội dung) yêu cầu phải ghi đầy đủ tên cơ quan, tổ chức, hộ dân đã nhận tiền bồi thường, số tiền đã nhận theo đúng phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về chữ ký của các thành phần tham gia:

Đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nếu việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do chủ đầu tư trực tiếp chi trả (không thông qua tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) thì phần chữ ký chỉ yêu cầu chữ ký của chủ đầu tư không yêu cầu chữ ký của tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Đối với trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện thì phần chữ ký, đóng dấu gồm: chủ đầu tư và tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư./.

Mẫu số 15 - Mẫu Giấy rút vốn đầu tư
(Theo Mẫu 16b1 - Phụ lục II kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

Không ghi vào
khu vực này

Ký hiệu: C3-01/NS

GIẤY RÚT VỐN ĐẦU TƯ

Thực chi Tạm ứng Chuyển khoản
 Ứng trước đủ điều kiện thanh toán Tiền mặt tại KB
 Ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán Tiền mặt tại NH

Tên dự án:
 Chủ đầu tư:..... MãĐVQHNS:
 Tài khoản: Tại KBNN:
 Tên CTMT, DA:
 Mã CTMT, DA:..... Số CKC, HĐK:
 Số CKC, HĐTH Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ngày ... / ...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....
 Trong đó:
NỘP THUẾ:
 Tên đơn vị (Người nộp thuế):
 Mã số thuế:.....Mã NDKT:.....Mã chương:.....
 Cơ quan quản lý thu:Kỳ thuế
 KBNN hạch toán khoản thu:
 Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ):

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG
 Đơn vị nhận tiền:
 Địa chỉ:
 Tài khoản: Mã CTMT,DA và HTCT:
 Tại KBNN (NH):
 Hoặc người nhận tiền:.....
 CMND số :..... Cấp ngày:..... Nơi cấp: ...
 Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ):

PHẦN KBNN GHI

1. Nộp thuế:
 Nợ TK:
 Có TK:
 Nợ TK:
 Có TK:
 Nợ TK:
 Có TK:
 Mã CQ thu:
 Mã ĐBHC:

2. Thanh toán cho ĐV hưởng:
 Nợ TK:
 Có TK:
 Nợ TK:
 Có TK:
 Nợ TK:
 Có TK:
 Mã ĐBHC:

Ngày.....tháng..... năm.....

Người lĩnh tiền mặt
(Ký, ghi họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày ... tháng ... năm.....

Thủ quỹ

Kê toán

Kê toán trưởng

Giám đốc

**Mẫu số 16 - Mẫu Ủy nhiệm chi đối với trường hợp ủy nhiệm chi không kèm
nộp thuế**

(Theo Mẫu 16c1 - Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI
Chuyển khoản Tiền mặt tại KB
Tiền mặt tại NH

**Ký hiệu: C4-
02a/NS**

Lập ngày ... tháng ... năm

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Tài khoản:

Mã nhà tài trợ:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NS	Niên độ NS	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng			

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước (NH):

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày..... tháng ... năm

**Thủ
quỹ** **Kế
toán** **Kế toán
trưởng** **Giám
đốc**

*Ngày ... tháng ...
năm ...*

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày tháng ... năm ...

**Kế toán
trưởng** **Chủ tài khoản**
*(Ký, ghi họ
tên)* *(Ký, ghi họ
tên,
đóng dấu)*

Mẫu số 17 - Mẫu Ủy nhiệm chi ngoại tệ đối với trường hợp ủy nhiệm chi bằng ngoại tệ
(Theo Mẫu 16c2 - Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

Không ghi vào khu vực này

ỦY NHIỆM CHI (ngoại tệ)
Chuyển khoản
Tiền mặt tại ngân hàng
Lập ngày ... tháng ... năm ...

Ký hiệu: C4-02b/NS

Đơn vị trả tiền:
Địa chỉ:
Tại Kho bạc Nhà nước:
Tài khoản:
Mã nhà tài trợ:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NSNN	Niên độ NS	Số tiền	
			Nguyên tệ	VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng:				

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:
.....
Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ:
.....
Đơn vị nhận tiền:
Địa chỉ:

KBNN A GHI:
Nợ TK:
Có TK:

Tài khoản: Tại KBNN(NH):
Hoặc người nhận tiền:
Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày..... tháng ... năm

Ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN
Ngày tháng ... năm ...

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 18 - Mẫu Ủy nhiệm chi đối với trường hợp ủy nhiệm chi kèm nộp thuế

(Theo Mẫu 16c3 - Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI
Lập ngày ... tháng ... năm ...

Ký hiệu: C4-02c/NS

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Tài khoản:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NSNN	Niên độ NS	Tổng số tiền	Chia ra	
				Nộp thuế	TT cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)
Tổng cộng:					

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế):.....

Mã số thuế:.....Mã NDKT:.....Mã chương:.....

Số Tờ khai/Quyết định/Thông báo:

Kỳ thuế/Ngày Tờ khai/Quyết định/Thông báo:

Cơ quan quản lý thu:

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ):.....

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền:.....

Địa chỉ:

Tài khoản:Tại Kho bạc Nhà nước (NH):

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ):

.....

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày ... tháng ... năm

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày ... tháng ... năm

Chủ tài khoản

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 19 - Mẫu Ủy nhiệm chi đối với trường hợp ủy nhiệm chi chủ dự án đề nghị trích tài khoản ngoại tệ thanh toán cho nhà cung cấp bằng loại tiền khác
(Theo Mẫu 16c4 - Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

Không ghi vào
khu vực này

Ký hiệu: C4-02d/NS

ỦY NHIỆM CHI

(Dùng trong trường hợp chủ dự án đề nghị trích tài khoản ngoại tệ thanh toán cho nhà cung cấp bằng loại tiền khác)

Chuyển khoản Tiền mặt tại KB
Tiền mặt tại NH

Lập ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị trả tiền:.....

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Nội dung thanh toán	Số tiền
Tổng cộng	

Tổng số tiền đề nghị thanh toán ghi bằng chữ:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước (NH):

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày...tháng...năm...

Ngày...tháng...năm...

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN KBNN GHI:

Tỷ giá: Số tiền theo nguyên tệ:

Số tiền nguyên tệ bằng chữ:

.....

KBNN A GHI:

Nợ TK:

Có TK:

Kế toán

Ngày..... tháng..... năm
Kế toán trưởng

Giám đốc

Mẫu số 20 - Mẫu Báo cáo tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành
(Theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

Tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành

Kính gửi:.....

- Tên dự án:..... Giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối:.....

- Tên dự án thành phần, tiểu dự án (nếu có):..... Giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối:.....

- Tên công trình, hạng mục công trình hoàn thành (nếu có):..... Giá trị dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối:.....

- Chủ đầu tư:.....

I. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số tt	Tên nguồn vốn	Theo Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối	Thực hiện	
			Kế hoạch	Đã thanh toán
1	2	3	4	5
	Tổng cộng			
1	Nguồn vốn đầu tư công			
1.1	Ngân sách nhà nước			
	- Vốn ngân sách trung ương: + Vốn hỗ trợ có mục tiêu và Chương trình mục tiêu quốc gia + Vốn trái phiếu Chính phủ + Vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ + Vốn..... - Vốn ngân sách địa phương			
1.2	Nguồn vốn khác thuộc vốn đầu tư công			
2	Nguồn vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh			
3	Nguồn vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của nhà nước			

Số tt	Tên nguồn vốn	Theo Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối	Thực hiện	
			Kế hoạch	Đã thanh toán
4	Nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước			
5	Nguồn vốn khác (nếu có)			

II. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Dự án (dự toán công trình, hạng mục công trình) được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Tăng, giảm so với dự án (dự toán công trình, hạng mục công trình) được duyệt
1	2	3	4	5
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi khác			
7	Dự phòng			

III. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:
- Chi phí không tạo nên tài sản:

IV. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Số TT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
	Tổng số	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	
2	Tài sản ngắn hạn	

V. Thuyết minh báo cáo quyết toán

- Tình hình thực hiện dự án:
 - Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được duyệt:

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi Chủ đầu tư, hình thức lựa chọn nhà thầu, nguồn vốn đầu tư, tổng mức vốn đầu tư.

+ Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được duyệt.

2. Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị:

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 21 - Mẫu Danh mục các văn bản pháp lý, hợp đồng
(Theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ, HỢP ĐỒNG

Stt	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Các văn bản pháp lý				
1					
2					
3					
...					
II	Hợp đồng				
1					
2					
3					
...					
III	Kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật (Trường hợp không có thì phải ghi rõ là không có)				
1					
2					
3					
...					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 22 - Mẫu Bảng đối chiếu số liệu cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư
(Theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn vốn:.....

Tên dự án:.....

Mã dự án.....

Tên công trình, hạng mục công trình:..... (trường hợp quyết toán công trình, hạng mục công trình)

Chủ đầu tư:

Tên cơ quan cho vay, thanh toán:

I. Tình hình cấp vốn, cho vay, thanh toán:

Đơn vị: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu của chủ đầu tư				Số liệu của cơ quan thanh toán				Chênh lệch	Ghi chú
		Kế hoạch vốn	Số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán			Kế hoạch vốn	Số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán				
			Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng		Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng		
1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11=4-7	12
1	Lũy kế từ khởi công										
2	Chi tiết hàng năm.										
	Năm...										
	Năm.....										

II. Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát thanh toán, cho vay, cấp vốn:

1. Nhận xét về việc chấp hành trình tự quản lý đầu tư, chấp hành chế độ quản lý tài chính đầu tư:.....

2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch (nếu có):.....

3. Kiến nghị:.....

Ngày... tháng...
năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
KẾ THỦ
TOÁN TRƯỞNG
TRƯỞNG G ĐƠN
G VỊ
(Ký, ghi rõ họ
tên) (Ký, đóng
dấu, ghi
rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN THANH TOÁN, CHO VAY, CẤP VỐN

□

RƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ
TRƯỞNG
G ĐƠN
VỊ
(Ký,
đóng
dấu, ghi
rõ họ
tên)

Ghi chú: Trường hợp dự án có nhiều cơ quan thanh toán, cho vay, cấp vốn, Chủ đầu tư có trách nhiệm đối chiếu số liệu thanh toán với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán của dự án.

Mẫu số 23 - Mẫu Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán
(Theo Mẫu số 04 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	Dự án được duyệt hoặc điều chỉnh	Dự toán (TDT) được duyệt hoặc điều chỉnh	Kết quả thanh tra, kiểm toán (nếu có)	Giá trị đề nghị quyết toán
1	2	3	4	5	6
	Tổng số				
I	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC				
1					
...					
II	Xây dựng				
1					
...					
III	Thiết bị				
1					
....					
IV	Quản lý dự án				
V	Tư vấn				
1					
...					
VI	Chi phí khác				
1					
....					
VII	Dự phòng				

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 24 - Mẫu Tài sản dài hạn (tài sản cố định) mới tăng
(Theo Mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÀI SẢN DÀI HẠN (TÀI SẢN CỐ ĐỊNH) MỚI TĂNG

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên và ký hiệu tài sản; Quy mô, công suất (riêng đối với thiết bị ghi rõ thêm chủng loại, xuất xứ)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Tổng nguyên giá	Ngày đưa TSDH vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số							
1								
2								
...								

....., ngày... tháng... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 25 - Mẫu Tài sản ngắn hạn bàn giao
(Theo Mẫu số 06 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÀI SẢN NGẮN HẠN BÀN GIAO

Đơn vị: đồng

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Giá trị	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số					
1						
2						
...						

....., ngày... tháng... năm....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi rõ không có vào Mẫu biểu.

Mẫu số 26 - Mẫu Giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng
(Theo Mẫu số 07 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁ TRỊ VẬT TƯ, THIẾT BỊ TỒN DỌNG

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Giá trị còn lại	Đơn vị tiếp nhận hoặc xử lý theo quy định
1	2	3	4	5 = 3 x 4	6	7
	Tổng số					
I	Vật tư, thiết bị tồn đọng giao cho đơn vị tiếp nhận:					
1						
2						
...						
II	Vật tư, thiết bị tồn đọng xử lý theo quy định:					
1						
2						
...						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.... tháng... năm...

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ

tên)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi rõ không có vào Mẫu biểu.

Mẫu số 27 - Mẫu Tình hình thanh toán và công nợ của dự án
(Theo Mẫu số 08 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

(Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán)

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị được A-B chấp nhận thanh toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số						
1							
2							
3							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng...
năm....

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi rõ không có vào Mẫu biểu.

Mẫu số 28 - Mẫu Quyết định phê duyệt quyết toán dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình) hoàn thành
(Theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày.... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình) hoàn thành

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ:.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình) hoàn thành

- Tên dự án (hoặc dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành:

- Chủ đầu tư:
- Địa điểm xây dựng:
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	TMĐT dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, hoặc DT công trình, hạng mục công trình được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	4 = 3-4
Tổng số				
1. Nguồn vốn đầu tư công 1.1. Ngân sách nhà nước - Vốn ngân sách trung ương: + Vốn hỗ trợ có mục tiêu và Chương trình mục tiêu quốc gia				

+ Vốn trái phiếu Chính phủ + Vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ + Vốn..... - Vốn ngân sách địa phương 1.2. Nguồn vốn khác thuộc vốn đầu tư công 2. Nguồn vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh 3. Nguồn vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của nhà nước 4. Nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước 5. Nguồn vốn khác (nếu có)				
--	--	--	--	--

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TMĐT dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, hoặc DT công trình, hạng mục công trình được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán
1	2	3
Tổng số		
1. Bồi thường, hỗ trợ, TĐC		
2. Xây dựng		
3. Thiết bị		
4. Quản lý dự án		
5. Tư vấn		
6. Chi phí khác		
7. Dự phòng		

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản:

4. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
Tổng số				
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)				
2. Tài sản ngắn hạn				

5. Vật tư thiết bị tồn đọng:

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		
1. Nguồn vốn đầu tư công 1.1. Ngân sách nhà nước - Vốn ngân sách trung ương: + Vốn hỗ trợ có mục tiêu và Chương trình mục tiêu quốc gia + Vốn trái phiếu Chính phủ + Vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ + Vốn..... - Vốn ngân sách địa phương 1.2. Nguồn vốn khác thuộc vốn đầu tư công 2. Nguồn vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh 3. Nguồn vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của nhà nước 4. Nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước 5. Nguồn vốn khác (nếu có)		

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày... tháng... năm... là:..... đồng.

+ Tổng nợ phải thu:..... đồng.

+ Tổng nợ phải trả:..... đồng.

Chi tiết các khoản công nợ theo số phải thu, phải trả của từng đơn vị tại phụ lục số:..... kèm theo.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	2	3

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác (nếu có):

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Nơi nhận:

*(Ghi theo quy định tại
Khoản 3 Điều 19 Thông tư
10/2020/TT-BTC)*

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 29 - Mẫu Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án
(Theo mẫu số 05 - Phụ lục 2 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

[TÊN CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.....

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Dự án nhóm:
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:
4. Cấp quyết định đầu tư dự án:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có):
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn).
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:
9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:
10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):
11. Hình thức đầu tư của dự án:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Kèm theo đây đủ các hồ sơ theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.
(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
Tên người đại diện

Mẫu số 30 - Mẫu Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A
(Theo Mẫu số 03 - Phụ lục 2 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

[TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ] Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO
Nghiên cứu tiền khả thi dự án

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Cấp quyết định đầu tư dự án:

3. Tên chủ đầu tư (nếu có):

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn):

6. Thời gian thực hiện:

7. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A có cấu phần xây dựng: báo cáo đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Đầu tư công, các quy định của Nghị định này và pháp luật về xây dựng.

2. Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định của Nghị định này, trong đó báo cáo đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật Đầu tư công.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) xem xét, quyết định phê duyệt dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 31 - Mẫu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C
(Theo Mẫu số 04 - Phụ lục 2 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

[TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ] Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư dự án

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án:

3. Cấp quyết định đầu tư dự án:

4. Tên chủ đầu tư (nếu có):

5. Địa điểm thực hiện dự án:

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn):

8. Thời gian thực hiện:

0. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

Báo cáo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 của Luật Đầu tư công.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) xem xét, quyết định phê duyệt dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 32 - Mẫu Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án
(Theo Mẫu số 07 -Phụ lục 2 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

[TÊN CƠ QUAN
THẨM ĐỊNH]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C

Kính gửi: (Tên Cơ quan trình thẩm định).

Cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) nhận được Tờ trình số ... ngày tháng năm của Cơ quan (Tên Cơ quan trình) trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án đề nghị thẩm định). Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan, Cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án.
2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.
3. Báo cáo thẩm định nội bộ (nếu có).
4. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công.
2. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.
3. Các văn bản liên quan khác (nếu có).

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định:

2. Đơn vị phối hợp thẩm định:

3. Hình thức thẩm định: Tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc áp dụng cả hai hình thức (nếu cần thiết).

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CƠ QUAN/HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Dự án nhóm:

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:

4. Cấp quyết định đầu tư dự án:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có):

6. Địa điểm thực hiện dự án:

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn).

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:

10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):

11. Hình thức đầu tư của dự án:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các đơn vị phối hợp thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

Việc thẩm định chủ trương đầu tư dự án phải phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ.

Các ý kiến thẩm định tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

Các ý kiến khác (nếu có).

.....

(Trong từng trường hợp cụ thể Cơ quan/Hội đồng thẩm định có thể bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung thẩm định bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật

Đầu tư công, các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

IV. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là ý kiến thẩm định của (Cơ quan thẩm định/Hội đồng thẩm định) về chủ trương đầu tư dự án, đề nghị Cơ quan (Tên Cơ quan trình) xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu yêu cầu điều chỉnh) hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án (nếu chấp thuận đề xuất của Cơ quan trình)./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
Tên người đại diện

trước (nếu chuyển từ giai đoạn trước sang).

2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A; Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định tại Nghị định này.

3. Báo cáo thẩm định nội bộ (nếu có).

4. Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan thẩm định về chủ trương đầu tư dự án.

5. Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) xem xét, quyết định phê duyệt dự án (Tên dự án) giai đoạn (nêu rõ giai đoạn thực hiện dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 34 - Mẫu Nghị quyết (Quyết định) về chủ trương đầu tư dự án đầu tư công
(Theo mẫu số 09 Phụ lục 2 kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)

**CƠ QUAN RA NGHỊ
QUYẾT (QUYẾT ĐỊNH)
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
CHƯƠNG TRÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT (QUYẾT ĐỊNH)
Về chủ trương đầu tư dự án

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ các văn bản liên quan khác (nếu có);

Theo đề nghị của Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án)/Hội đồng thẩm định dự án.

QUYẾT NGHỊ (QUYẾT ĐỊNH):

Điều 1. Phê duyệt (Quyết định) chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án), do Cơ quan (Tên cơ quan) quản lý dự án

1. Mục tiêu đầu tư:
2. Quy mô đầu tư:
3. Nhóm dự án:
4. Tổng mức đầu tư dự án:
5. Cơ cấu nguồn vốn (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn theo từng nguồn):
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Thời gian thực hiện dự án:
8. Tiến độ thực hiện dự án:
9. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án) chịu trách nhiệm:

- a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên

cứu khả thi của dự án (Tên dự án) trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

b) Các nội dung khác (nếu có).

2. Nhiệm vụ của các cơ quan khác (nếu có)

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án) và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết/Quyết định này.

2. Cơ quan (Tên Cơ quan được phân công kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết/Quyết định này) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết/Quyết định này báo cáo Cơ quan (Tên Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan có tên tại Điều 3;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư/Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 35 - Mẫu Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

(Theo Mẫu số 04 - Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)

TÊN TỔ CHỨC

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công

trình:

2. Loại, Cấp công

trình:

3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):

5. Địa điểm xây

dựng:

6. Giá trị dự toán xây dựng công

trình:

7. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)

8. Nhà thầu khảo sát xây

dụng:

9. Nhà thầu lập thiết kế

xây dựng:

10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây

dụng:

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp

dụng:

12. Các thông tin khác có liên

quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Nghị định này.*

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được Chủ đầu tư nghiệm thu, xác nhận;
- Hồ sơ thiết kế xây dựng bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế, quy định tại hợp đồng thiết kế và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với yêu cầu về dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu có).

3. Việc lập dự toán xây dựng công trình; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 36 - Mẫu Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

(Theo Mẫu số 06 - Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định thiết kế xây dựng triển khai sau
thiết kế cơ sở...

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Tờ trình số ngày tháng... năm ... của đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (nếu có) (tên công trình) thuộc dự án đầu tư

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của tổ chức tư vấn, cá nhân;

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp công trình:
3. Tên dự án đầu tư xây dựng:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Chủ đầu tư:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng (nếu có):
9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

11. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan trong hồ sơ trình)

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

(Liệt kê các hồ sơ trình thẩm định)

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

Liệt kê: Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có)

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Tóm tắt giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình và các nội dung khác (nếu có).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế:

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định:

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định.

5. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng (nếu có yêu cầu):

6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan:

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế, dự toán xây dựng (nếu có):

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.

- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có).

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

-;

- Lưu:...

**Mẫu số 37 - Mẫu Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau
thiết kế cơ sở**
(Theo Mẫu số 07 - Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số...

Theo đề nghị của tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm... và Thông báo kết quả thẩm định số... ngày... tháng... năm ... của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt:
2. Tên công trình hoặc bộ phận công trình:
3. Tên dự án:
4. Loại, cấp công trình:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên (nếu có):
10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:

11. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí;
12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng;
13. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 39 - Mẫu Báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu
(Theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư 19/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có) _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

- Căn cứ¹ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội];

- Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn thẩm định];

- Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];

- Trên cơ sở tờ trình của _____ [Ghi tên bên mời thầu] về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu, dự thảo hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Kết quả thẩm định hồ sơ yêu cầu gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án, gói thầu

Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, cơ sở pháp lý để lập hồ sơ yêu cầu.

2. Tổ chức thẩm định

Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của tổ chức thẩm định trong quá trình thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: Bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu² của các thành viên trong tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập hồ sơ yêu cầu được tổng hợp theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)		
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)		
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	- Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)		
5	Các văn bản pháp lý có liên quan khác (nếu có)		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định nhận được.

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài

liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập hồ sơ yêu cầu và những lưu ý cần thiết (nếu có).

2. Nội dung của hồ sơ yêu cầu

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ yêu cầu:

Kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ yêu cầu được tổng hợp tại Bảng số 02 dưới đây:

Bảng số 02

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Chỉ dẫn đối với nhà thầu		
Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất		
Biểu mẫu		
Điều khoản tham chiếu (<i>đối với gói thầu tư vấn</i>)		
Yêu cầu đối với gói thầu (<i>đối với gói thầu xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, hỗn hợp</i>)		
Yêu cầu về hợp đồng		

Ghi chú:

- Cột [2]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1], nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất và yêu cầu của gói thầu.

- Cột [3]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ quy định về pháp luật đấu thầu, pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất và yêu cầu gói thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung hồ sơ yêu cầu:

Căn cứ tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, tổ chức thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung hồ sơ yêu cầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, dự án, kế

hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu và những lưu ý cần thiết khác (nếu có). Trường hợp trong hồ sơ yêu cầu đưa ra các quy định theo pháp luật liên quan khác, tổ chức thẩm định cần nhận xét về việc đưa ra các quy định theo pháp luật liên quan đó có là điều kiện làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu hay không. Nếu gây ra hạn chế sự tham gia của nhà thầu thì tổ chức thẩm định đưa ra đề xuất và kiến nghị theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục III.

Đối với nội dung quy định tại tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất, tổ chức thẩm định cần nhận xét về sự phù hợp của các tiêu chí đánh giá so với nội dung của gói thầu trên các cơ sở:

- Tài liệu và thông tin nghiên cứu, khảo sát thị trường về khả năng cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan đến gói thầu do tổ chức lập hồ sơ yêu cầu hoặc bên mời thầu thực hiện;

- Tính khoa học, logic của các tiêu chí đánh giá hồ sơ đề xuất và phải đảm bảo khách quan, công bằng, minh bạch.

Đối với những nội dung hồ sơ yêu cầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện thì tổ chức thẩm định thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện tiếp theo để đảm bảo tuân thủ pháp luật về đấu thầu và đảm bảo mục tiêu của đấu thầu là: cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp.

3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ yêu cầu

a) Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ yêu cầu (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ yêu cầu (nếu có).

b) Nội dung thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ yêu cầu (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu nêu trên và những lưu ý cần thiết.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung hồ sơ yêu cầu

Trên cơ sở các nhận xét về hồ sơ yêu cầu theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định nhận xét chung về dự thảo hồ sơ yêu cầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất đối với nội dung của hồ sơ yêu cầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định dự thảo hồ sơ yêu cầu (nếu có).

2. Kiến nghị

a) Trường hợp dự thảo hồ sơ yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật

về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của _____ [*Ghi tên bên mời thầu*] về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu, dự thảo hồ sơ yêu cầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [*Ghi tên tổ chức thẩm định*] kiến nghị _____ [*Ghi tên chủ đầu tư*] phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc _____ [*Ghi tên dự án*].

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không đồng ý với nội dung của hồ sơ yêu cầu thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ [*Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ thẩm định*].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

**[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

² Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

PHỤ LỤC
DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH
HỒ SƠ YÊU CẦU

Liệt kê danh mục các tài liệu tổ chức thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định hồ sơ yêu cầu.

Mẫu số 40 - Mẫu Báo cáo đánh giá HSDX/HSDT
(Vận dụng Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ HSDT] **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]
thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án]
Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

a) Phần này nêu khái quát về dự án, gói thầu và các văn bản pháp lý là cơ sở để thực hiện gói thầu:

- Tên Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- Tên dự án và tóm tắt về dự án;
- Tên gói thầu và tóm tắt về gói thầu; nội dung của gói thầu được phê duyệt trong KHLCNT;
- Một số mốc thời gian chính trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.

b) Liệt kê danh sách nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu và danh sách nhà thầu nộp HSDT.

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được _____ [Ghi tên Bên mời thầu/tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp] thành lập theo Quyết định số _____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá HSDT gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp đánh giá HSDT thì bổ sung nội dung sau: Căn cứ hợp đồng số _____ [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày _____ [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa _____ [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp] về việc thuê tổ chức/đơn vị đánh giá HSDT gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

Phần này mô tả số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSDT

1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSDT do Bên mời thầu thực hiện, kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Nội dung không thống nhất		Ghi chú
		Bản gốc	Bản chụp	

2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

a) Trên cơ sở kiểm tra tính hợp lệ của HSDT (lập theo Mẫu số 1); đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDT (lập theo Mẫu số 2), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSDT không hợp lệ (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDT).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của

Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSĐT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSĐT).

3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm (trường hợp không áp dụng sơ tuyển)

a) Trên cơ sở đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu (lập theo Mẫu số 3), kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây:

Bảng số 4

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong HSMT. *Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSĐT).*

c) Các nội dung làm rõ HSĐT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSĐT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSĐT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSĐT).*

Ghi chú:

Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển và khi nộp HSĐT có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển thì cần cập nhật các thông tin về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

Trường hợp HSMT quy định cho phép nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì tổ chuyên gia tiến hành đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có) theo các tiêu chuẩn quy định trong HSMT.

4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Trên cơ sở đánh giá về kỹ thuật của từng HSĐT (lập theo Mẫu số 4A hoặc Mẫu số 4B), kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 5** dưới đây:

Liệt kê tên nhà thầu, số điểm tương ứng (theo thứ tự từ cao đến thấp trong trường hợp đánh giá theo phương pháp chấm điểm) hoặc đạt, không đạt trong trường hợp đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt.

Bảng số 5

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả đánh giá	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSMT (kể cả khi đã làm rõ HSĐT). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của HSĐT.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó.

5. Kết quả đánh giá về tài chính

Trên cơ sở đánh giá về tài chính của từng HSDT (lập theo Mẫu số 11), kết quả đánh giá về tài chính được tổng hợp theo **Bảng số 6** dưới đây:

Bảng số 6

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))			
2	Giá trị sửa lỗi			
3	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch			
4	Tỷ lệ % sai lệch thiếu			
5	Giá trị giảm giá (nếu có)			
6	Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có)			
7	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có)			
8	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)			
	Phương pháp giá thấp nhất¹			
9	$\Delta_{\text{ƯĐ}}$ (nếu có)			
10	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có)			
	Phương pháp giá đánh giá²			
11	Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng			
12	$\Delta_{\text{ƯĐ}}$ (nếu có)			
13	Giá đánh giá			

Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá về tài chính (nếu có).

6. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá HSDT

Trên cơ sở đánh giá HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 7** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 7

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của HSDT			

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

² Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì bỏ nội dung này.

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
2	Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm			
3	Kết quả đánh giá về kỹ thuật			
	Phương pháp giá thấp nhất³			
4	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có) ⁴			
5	Xếp hạng các HSDT*			
	Phương pháp giá đánh giá⁵			
6	Giá đánh giá ⁶			
7	Xếp hạng các HSDT*			

Ghi chú:

- * Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu trong nước: việc xếp hạng các HSDT tại Stt 5 và 7 cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

(i) HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 63/CP.

(ii) Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

- Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần thì việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

7. Đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT⁷

Trong trường hợp HSMT cho phép chào phương án kỹ thuật thay thế để tìm kiếm những đề xuất sáng tạo của nhà thầu mang lại hiệu quả cao hơn cho gói thầu thì cần đánh giá phương án đề xuất thay thế của nhà thầu xếp hạng thứ nhất

³ Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

⁴ Kết chuyển giá trị từ Stt 10 của Bảng số 6.

⁵ Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì bỏ nội dung này.

⁶ Kết chuyển giá trị từ Stt 13 của Bảng số 6.

⁷ Trường hợp HSMT không cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế thì xóa bỏ nội dung này.

và đề xuất các nội dung cụ thể để Bên mời thầu và nhà thầu thương thảo trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSDT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;
2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;
3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

A.1 Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDT

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	
1	Có bản gốc và đủ số lượng bản chụp HSDT			
2	Đơn dự thầu			
3	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽²⁾			
4	Giấy ủy quyền (nếu có) ⁽³⁾			
5	Bảo đảm dự thầu			
6	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu			
7	Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu			
8	Đề xuất về kỹ thuật			
9	Đề xuất về tài chính			
10	Các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định của HSMT			

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có”.

(2) Trường hợp là nhà thầu liên danh thì phải kiểm tra nội dung này. Trường hợp nhà thầu độc lập, không áp dụng điều kiện này.

(3) Trường hợp có ủy quyền thì kiểm tra nội dung này. Trường hợp không có ủy quyền thì bỏ nội dung này.

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDT

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đáp ứng	Không đáp ứng		
1	Bản gốc HSDT				
2	Đơn dự thầu ⁽³⁾				
3	Thời hạn hiệu lực của HSDT				
4	Bảo đảm dự thầu				
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)				
6	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh)				
7	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu				
KẾT LUẬN⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “Đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng”, nếu đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng” và nêu rõ lý do không đáp ứng tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) Đơn dự thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định 63/CP.

(4) HSDT được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đáp ứng”, HSDT được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đáp ứng”.

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

HSDT của nhà thầu: _____

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm ⁽¹⁾			Các yêu cầu cần tuân thủ ⁽²⁾				Kết quả đánh giá ⁽³⁾	Nhận xét của chuyên gia ⁽⁴⁾	Ghi chú
Stt	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh					
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh			
Kết luận⁽⁵⁾									

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đạt” thì ghi “Đạt”, nếu được đánh giá là “không đạt” thì ghi “Không đạt” và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Khai các nội dung trong HSDT của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT và lý do “Không đạt”.

(5) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đạt”, nhà thầu được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đạt”.

Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có).

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾		ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG						
KẾT LUẬN⁽⁴⁾						

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.

Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có).

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾			Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt		
KẾT LUẬN⁽³⁾						

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong HSMT.

Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu (bản chụp), văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (bản chụp).

SỬA LỖI⁽¹⁾

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung cần sửa lỗi	Giá trị lỗi số học	Giá trị lỗi khác	Ghi chú
1.				
2.				
...				
n.				
Tổng cộng		(i)	(ii)	
KẾT LUẬN				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Việc sửa lỗi thực hiện theo quy định trong HSMT.

Đính kèm theo bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả sửa lỗi HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc sửa lỗi của Bên mời thầu.

HIỆU CHỈNH SAI LỆCH⁽¹⁾

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung cần hiệu chỉnh sai lệch	Giá trị sai lệch		Ghi chú
		Sai lệch thiếu	Sai lệch thừa	
1.		i_1	ii_1	
2.		i_2	ii_2	
.....		
n.		i_n	ii_n	
Tổng cộng		i	ii	
Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))		(iii)		
Tỷ lệ sai lệch thiếu (%)		$= (i_1 + i_2 +...+ i_n)*100\% / (iii)$		
KẾT LUẬN⁽²⁾				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Việc hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định trong HSMT.

(2) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi có sai lệch thiếu với tổng giá trị tuyệt đối không quá 10% giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)).

Đính kèm bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả hiệu chỉnh sai lệch HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc hiệu chỉnh sai lệch của Bên mời thầu.

**CHUYỂN ĐỔI GIÁ DỰ THẦU SAU SỬA LỖI,
HIỆU CHỈNH SAI LỆCH, TRỪ GIÁ TRỊ GIẢM GIÁ (NẾU CÓ)
CHUYỂN ĐỔI VỀ MỘT ĐỒNG TIỀN CHUNG⁽¹⁾**

HSDT của nhà thầu _____

Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có)	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp trong HSMT cho phép nhà thầu chào nhiều đồng tiền khác nhau thì trong báo cáo cần chuyển đổi giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá) sang một đồng tiền chung theo tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT.

Trường hợp không cần chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) về một đồng tiền chung thì bỏ Mẫu này.

**ĐƯA CÁC CHI PHÍ VỀ MỘT MẶT BẰNG ĐỂ
XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ⁽¹⁾**

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung cần đưa về một mặt bằng	Cách thức đưa về một mặt bằng	Chi phí
1	<i>Chi phí vận hành, bảo dưỡng</i>		
2	<i>Chi phí lãi vay (nếu có)</i>		
3	<i>Tiến độ</i>		
4	<i>Chất lượng</i>		
5	<i>Xuất xứ (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)</i>		
6	<i>Các yếu tố khác (nếu có)</i>		
TỔNG CỘNG			

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Phần này cần liệt kê các yếu tố đưa về một mặt bằng để xác định giá đánh giá theo quy định trong HSMT và các chi phí tương ứng được quy đổi về cùng một mặt bằng.

**XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC
HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)**

Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định chính xác hàng hóa do nhà thầu chào có thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hay không. Từ đó, xác định các hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của HSMT để làm cơ sở xác định Δ_{VD} theo Mẫu số 10 như sau:

Stt	Hàng hóa	Nhà thầu	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)
	<i>Hàng hóa 1</i>	<i>Nhà thầu A, Nhà thầu B</i>	
	<i>Hàng hóa 2</i>	<i>Nhà thầu A</i>	
	<i>Hàng hóa 3</i>	<i>Nhà thầu B, Nhà thầu C</i>	
	...		

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong các hàng hóa theo yêu cầu của HSMT.*
- (2) Ghi tên các nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.*

**XÁC ĐỊNH Δ_{UD} ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)**

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Hàng hóa	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)	Δ_{UD}
(1)	(2)	(3)	(4)
	Hàng hóa 1		
	Hàng hóa 2		
	...		
	Tổng cộng		

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(2) Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;

(3) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) của từng loại hàng hóa tương ứng ở cột (2);

(4) Cách xác định Δ_{UD} đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi (bao gồm cả đấu thầu trong nước và quốc tế) = 7,5% x (3).

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))	
2	Giá trị sửa lỗi	
3	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch	
4	Tỷ lệ sai lệch thiếu	
5	Giá trị giảm giá (nếu có)	
6	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có)	
7	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có)	
8	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)	
	Phương pháp giá thấp nhất⁽¹⁾	
9	Δ_{USD} (nếu có) ⁽²⁾	
10	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có)	
	Phương pháp giá đánh giá⁽³⁾	
11	Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng	
12	Δ_{USD} (nếu có) ⁽⁴⁾	
13	Giá đánh giá	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

(3) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì bỏ nội dung này.

(2), (4) Δ_{USD} : là giá trị cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi, được xác định như sau:

- Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa lấy theo kết quả ở Mẫu số 10;

- Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu quốc tế: Δ_{USD} được tính bằng $7,5\% \times$ Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) (Stt 8 Mẫu này).

PHẦN II: DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

Stt	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
I	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
1.	KHLCNT	
2.	Quyết định phê duyệt HSMT, kèm theo HSMT được duyệt	
3.	Văn bản thành lập tổ chuyên gia	
4.	Quy chế làm việc của tổ chuyên gia (nếu có)	
5.	Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu hoặc chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu của các thành viên trong tổ chuyên gia (bản chụp)	
II	Tổ chức lựa chọn nhà thầu	
6.	Thông báo mời thầu hoặc thư mời thầu	
7.	Văn bản yêu cầu làm rõ HSMT của nhà thầu (nếu có)	
8.	Văn bản làm rõ HSMT (nếu có)	
9.	Văn bản sửa đổi HSMT (nếu có)	
10.	Biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	
11.	Văn bản cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có), kèm theo thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	
12.	Tài liệu xác nhận nhà thầu nộp HSDT	
13.	Biên bản đóng thầu (nếu có)	
14.	Biên bản mở thầu	
III	Đánh giá HSDT	
15.	HSDT của các nhà thầu tham dự (bản chụp)	
16.	Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDT của các nhà thầu	
17.	Bản kiểm tra tính hợp lệ của HSDT	
18.	Bản đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDT	
19.	Bản đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu	
20.	Bản đánh giá chi tiết về kỹ thuật của từng HSDT	
21.	Bản sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	
22.	Bản chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) sang một đồng tiền chung	
23.	Bảng đưa các chi phí về một mặt bằng của từng HSDT (<i>đối với phương pháp giá đánh giá</i>)	
24.	Bảng xác định hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi (nếu có)	
25.	Bảng xác định Δ_{UD} (nếu có)	
26.	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá về tài chính của từng nhà thầu	
27.	Văn bản phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu	
28.	Biên bản thương thảo hợp đồng	
29.	Các tài liệu khác có liên quan	

Mẫu số 41 - Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả chỉ định thầu
(Theo Phụ lục 7 kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

Số: _____ / _____

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu....

[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Bên mời thầu nêu các căn cứ pháp lý như sau:

- Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng;
- Biên bản thương thảo hợp đồng.

2. Quá trình thương thảo hợp đồng

a) Bên mời thầu mô tả quá trình thương thảo, tóm tắt các nội dung thương thảo hợp đồng:

- Ngày tháng tiến hành thương thảo;
- Các vấn đề trong quá trình thương thảo.

b) Lưu ý đối với Chủ đầu tư trong quá trình hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

3. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSDT và thương thảo với nhà thầu _____ *[ghi tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu]*, _____ *[ghi tên Bên mời thầu]* kiến nghị _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu theo KHLCNT]* với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu;
- Giá đề nghị trúng thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Danh sách nhà thầu phụ (nếu có);
- Các thông tin khác;

- Tài liệu gửi kèm theo: báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia, biên bản thương thảo hợp đồng, tờ trình, quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu và các tài liệu khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định (để thẩm định);
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**

(ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 42 - Mẫu Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu
(Theo Mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có) _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]
Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]
Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

- Căn cứ¹ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội];

- Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];

- Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];

- Căn cứ văn bản trình duyệt số _____ [Ghi số hiệu văn bản trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] ngày _____ [Ghi thời gian văn bản trình duyệt] của _____ [Ghi tên bên mời thầu] về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu nói trên và các tài liệu liên quan;

_____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Nội dung thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên được tổng hợp theo nội dung sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án, gói thầu

Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, các cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà thầu

2. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà thầu

Phần này nêu tóm tắt toàn bộ quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu từ khi có thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu/thông báo mời chào hàng đến khi trình thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và tóm tắt đề xuất, kiến nghị của bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Tổ chức thẩm định

Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của tổ chức thẩm định trong quá trình thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu,

chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu² của các thành viên trong tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)		
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)		
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi		
5	- Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp, hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)		
6	Quyết định phê duyệt danh sách ngắn (nếu có)		
7	- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu - Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu điều chỉnh (nếu có)		
8	Quyết định thành lập tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất ³		
9	Báo cáo đánh giá do tổ chuyên gia thực hiện		
10	Phê duyệt xếp hạng nhà thầu ⁴		
11	Biên bản thương thảo hợp đồng		
12	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả		

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định nhận được;

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý và những lưu ý cần thiết.

2. Quá trình tổ chức thực hiện

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các nội dung dưới đây:

2.1. Thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

Stt	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
1	Thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu/thông báo chào hàng	[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu/thông báo chào hàng đến ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu]		
2	Phát hành hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu	[Ghi thời gian thực tế phát hành hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu]		
3	Ngày có thời điểm đóng thầu	[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]		
4	Mở thầu	[Ghi thời gian trong biên bản mở thầu]		
5	Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất	[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu]		

Stt	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
6	Thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu đến các nhà thầu (nếu có)	<i>[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày phát hành văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu cuối cùng đến ngày có thời điểm đóng thầu]</i>		
7	Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất	<i>[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt các nội dung liên quan]</i>		

Ghi chú:

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại Bảng số 02, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết.

2.2. Đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

Stt	Nội dung kiểm tra	Phương tiện đăng tải	Số báo/Ngày đăng tải	Kết quả thẩm định	
				Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu				
2	Thông báo mời thầu/Đăng tải				

Stt	Nội dung kiểm tra	Phương tiện đăng tải	Số báo/Ngày đăng tải	Kết quả thẩm định	
				Tuân thủ	Không tuân thủ
	danh sách ngắn				
3	Thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)				

Ghi chú:

- Cột [4] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về việc đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [5] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 03**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết.

2.3. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng:

Kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

Bảng số 04

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]
1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất		
2	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm; kỹ thuật được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		
3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ		

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	yêu cầu		
4	Nội dung thương thảo hợp đồng		

Ghi chú:

- Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, tổ chức thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét về việc nhà thầu cập nhật lại năng lực, kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển (nếu có) đã được đánh giá.

- Trường hợp hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất có sai sót không nghiêm trọng được tổ chuyên gia, bên mời thầu chấp nhận thì tổ chức thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét về sai sót đó có đúng là sai sót không nghiêm trọng không, hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất có đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu không. Nếu việc chấp nhận sai sót không nghiêm trọng của tổ chuyên gia/bên mời thầu là phù hợp thì tổ thẩm định nhận xét về việc bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp thông tin và tài liệu để khắc phục sai sót có đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu không. Nếu việc chấp nhận sai sót không nghiêm trọng của tổ chuyên gia, bên mời thầu là không phù hợp thì tổ chức thẩm định đánh dấu “X” vào ô tương ứng.

- Cột [2] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu được duyệt.

- Cột [3] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu, tiêu chuẩn đánh giá được duyệt. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định trong hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 04**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng và những lưu ý cần thiết.

III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có).

2. Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia.

IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA BÊN MỜI THẦU VỚI TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có).

2. Ý kiến thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia.

V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ý kiến thẩm định đối với gói thầu được tổng hợp tại **Bảng số 05** dưới đây:

Bảng số 05

Stt	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thông nhất	Không thông nhất
	[1]	[2]	[3]
1	Căn cứ pháp lý		
2	Quá trình tổ chức thực hiện		
2.1	Thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu		
2.2	Đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu		
3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng		
3.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất		
3.2	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm; kỹ thuật được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		
3.3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		
3.4	Danh sách xếp hạng nhà thầu		
3.5	Nội dung thương thảo hợp đồng		
4	Kết quả lựa chọn nhà thầu		
4.1	Nhà thầu được đề nghị trúng thầu		
4.2	Giá đề nghị trúng thầu		

Stt	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
5	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu		
6	Nội dung khác (nếu có)		

Ghi chú:

Trường hợp tổ chức thẩm định thống nhất với nội dung tại cột [1] thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [2]; trường hợp không thống nhất thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [3].

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- Về cơ sở pháp lý, việc tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan;

- Về kết quả đạt được: nhà thầu được đề nghị trúng thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng các tiêu chí đánh giá, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu;

- Về tính cạnh tranh, công bằng: trong quá trình tổ chức đấu thầu, việc yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ có bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng giữa các nhà thầu không;

- Về tính minh bạch, công khai trong việc đăng tải thông tin, mở thầu;

- Về tính hiệu quả kinh tế của gói thầu: giá trị tiết kiệm so với dự toán gói thầu được duyệt hoặc so với tổng mức đầu tư, dự toán trong quyết định phê duyệt dự án, dự toán;

- Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Ngoài ra, tại phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có).

2. Kiến nghị

a) Trường hợp lựa chọn được nhà thầu được đề nghị trúng thầu, tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư phê duyệt theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở đề nghị của bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] kiến nghị _____ [Ghi tên chủ đầu tư] phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] theo các nội dung sau:

- Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp đấu thầu quốc tế) của nhà thầu được đề nghị trúng thầu];

- Giá đề nghị trúng thầu: _____ [*Ghi rõ cơ cấu loại tiền, số tiền bằng chữ và bằng số, có bao gồm thuế hay không...*];

- Loại hợp đồng: _____ [*Ghi rõ loại hợp đồng theo hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu*];

- Thời gian thực hiện hợp đồng;

- Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không thống nhất với đề nghị của bên mời thầu hoặc chưa có đủ cơ sở kết luận về kết quả lựa chọn nhà thầu (bao gồm cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu được đề nghị trúng thầu) thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

c) Các ý kiến khác (nếu có).

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ [*Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ thẩm định*].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

**[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)*]

¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

² Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

³ Đối với nội dung này tổ chức thẩm định phải kiểm tra việc các thành viên tổ chuyên gia có đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu và Điều 116 Nghị định 63/2014/NĐ-CP hay không.

⁴ Không áp dụng đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp.

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Liệt kê danh mục các tài liệu tổ chức thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mẫu số 44 - Mẫu Báo cáo thẩm định HSMT
(Theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư 19/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có) _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]
thuộc _____ [Ghi tên dự án]
Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

- Căn cứ¹ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội];

- Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn thẩm định];

- Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];

- Trên cơ sở tờ trình của _____ [Ghi tên bên mời thầu] về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, dự thảo hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án, gói thầu

Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, cơ sở pháp lý để lập hồ sơ mời thầu.

2. Tổ chức thẩm định

Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của tổ chức thẩm định trong quá trình thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: Bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu² của các thành viên trong tổ chức thẩm định

theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập hồ sơ mời thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án (trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án) - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)		
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)		
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	- Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)		
5	Các văn bản pháp lý có liên quan khác (nếu có) <i>[Ghi rõ các văn bản pháp lý có liên quan khác, trong đó có thể là Biên bản trao đổi giữa bên mời thầu với các nhà thầu tham dự thầu trong giai đoạn một khi thẩm định hồ sơ mời thầu giai đoạn hai đối với gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn,...]</i>		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định nhận được.

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập hồ sơ mời thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có).

2. Nội dung của hồ sơ mời thầu

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu được tổng hợp tại³:

- **Bảng số 02A** (áp dụng đối với thẩm định: (1) hồ sơ mời thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ và hai túi hồ sơ; (2) hồ sơ mời thầu giai đoạn hai gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ; (3) hồ sơ mời thầu giai đoạn một gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ);

- **Bảng số 02B** (áp dụng đối với thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu tư vấn);

- **Bảng số 02C** (áp dụng đối với thẩm định hồ sơ mời thầu giai đoạn một gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ);

- **Bảng số 02D** (áp dụng đối với thẩm định hồ sơ mời thầu giai đoạn hai gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ).

Bảng số 02A

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Phần 1. Thủ tục đấu thầu - Chỉ dẫn nhà thầu - Bảng dữ liệu đấu thầu - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu - Biểu mẫu dự thầu		
Phần 2. Yêu cầu về xây lắp (đối với gói thầu xây lắp) Yêu cầu về cung cấp (đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa) Yêu cầu về gói thầu (đối với gói thầu hỗn hợp)		
Phần 3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng - Điều kiện chung của hợp đồng - Điều kiện cụ thể của hợp đồng		

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
- Biểu mẫu hợp đồng		

Bảng số 02B

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Phần thứ nhất. Chỉ dẫn đối với nhà thầu - Yêu cầu về thủ tục đấu thầu - Bảng dữ liệu đấu thầu - Tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu - Biểu mẫu dự thầu		
Phần thứ hai. Mẫu đề xuất về kỹ thuật		
Phần thứ ba. Mẫu đề xuất về tài chính		
Phần thứ tư. Điều khoản tham chiếu		
Phần thứ năm. Yêu cầu về hợp đồng - Điều kiện chung của hợp đồng - Điều kiện cụ thể của hợp đồng - Mẫu hợp đồng		

Bảng số 02C

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Thông tin tóm tắt về dự án, gói thầu		
Chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu giai đoạn một		
Ý tưởng yêu cầu về phương án kỹ thuật của gói thầu; yêu cầu về phương án tài chính, thương mại		

Bảng số 02D

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung so với hồ sơ mời thầu giai đoạn một		

Ghi chú:

Cách điền tại **Bảng số 02A, 02B, 02C, 02D**:

- Cột [2]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất và yêu cầu của gói thầu.

- Cột [3]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ quy định về pháp luật đấu thầu, pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất và yêu cầu gói thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu:

Căn cứ tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02A**, hoặc **Bảng số 02B**, hoặc **Bảng số 02C**, hoặc **Bảng số 02D**, tổ chức thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu và những lưu ý cần thiết khác (nếu có). Trường hợp trong hồ sơ mời thầu đưa ra các quy định theo pháp luật liên quan khác, tổ chức thẩm định cần nhận xét về việc đưa ra các quy định theo pháp luật liên quan đó có là điều kiện làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu hay không. Nếu gây ra hạn chế sự tham gia của nhà thầu thì tổ chức thẩm định đưa ra đề xuất và kiến nghị theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục III.

Đối với nội dung quy định tại tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, tổ chức thẩm định cần nhận xét về sự phù hợp của các tiêu chí đánh giá so với nội dung của gói thầu trên các cơ sở:

- Tài liệu và thông tin nghiên cứu, khảo sát thị trường về khả năng cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan đến gói thầu do tổ chức lập hồ sơ mời thầu hoặc bên mời thầu thực hiện.

- Tính khoa học, logic của các tiêu chí đánh giá hồ sơ dự thầu và phải đảm bảo khách quan, công bằng, minh bạch.

Đối với những nội dung hồ sơ mời thầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện thì tổ chức thẩm định thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện tiếp theo để đảm bảo tuân thủ pháp luật về đấu thầu và đảm bảo mục tiêu của đấu thầu là: cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp.

3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu (nếu có)

a) Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ

sơ mời thầu (nếu có).

b) Nội dung thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu nêu trên và những lưu ý cần thiết.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung hồ sơ mời thầu

Trên cơ sở các nhận xét về hồ sơ mời thầu theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định nhận xét chung về dự thảo hồ sơ mời thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất đối với nội dung của hồ sơ mời thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định dự thảo hồ sơ mời thầu (nếu có).

2. Kiến nghị

a) Trường hợp dự thảo hồ sơ mời thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của _____ [*Ghi tên bên mời thầu*] về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, dự thảo hồ sơ mời thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [*Ghi tên tổ chức thẩm định*] kiến nghị _____ [*Ghi tên chủ đầu tư*] phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc _____ [*Ghi tên dự án*].

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không đồng ý với nội dung của hồ sơ mời thầu thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ [*Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ thẩm định*].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

**[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]*

¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

² Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

³ Trong trường hợp đặc biệt thì tổ chức thẩm định có thể căn cứ nội dung của hồ sơ mời thầu để lập Bảng tổng hợp.

PHỤ LỤC
DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM
ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

Liệt kê danh mục các tài liệu tổ chức thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định hồ sơ mời thầu.

Mẫu số 45 - Mẫu Báo cáo đánh giá E-HSDT, bao gồm Mẫu số 45A (quy trình 01) hoặc Mẫu số 45B (quy trình 02)
(Theo Mẫu số 01A (quy trình 1) hoặc 01B (quy trình 2) kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

**1. Mẫu số 45A – Mẫu báo cáo đánh giá E-HSDT cho gói thầu dịch vụ phi tư
vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp**

(Theo quy trình số 01)

(Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

(Theo Mẫu số 01A (quy trình 1) kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên mạng
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu qua mạng
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu qua mạng
Chủ đầu tư	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên

PHẦN I:

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 1 (Webform trên Hệ thống)**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng Nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	
1	Bảo đảm dự thầu ⁽¹⁾			
2	Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) ⁽²⁾			
3	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽³⁾			
4	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu ⁽²⁾			
4.1	Hạch toán tài chính độc lập ⁽²⁾			
4.2	Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật ⁽²⁾			
4.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu ⁽²⁾			
4.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ⁽²⁾			
4.5	Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp ⁽⁴⁾			
KẾT LUẬN				

Người đánh giá*(Ký và ghi rõ họ tên)***Ghi chú:***(1) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan thư bảo lãnh.**(2) Hệ thống tự động đánh giá.**(3) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan thỏa thuận liên danh.**(4) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 5 tỷ đồng. Hệ thống tự động đánh giá.*

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia".

Mẫu số 2A (Webform trên Hệ thống)**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM****(ngoài năng lực kỹ thuật)**

E-HSDT của nhà thầu: (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT ⁽¹⁾			Thông tin trong E-HSDT ⁽²⁾	Kết quả đánh giá ⁽³⁾		Nhận xét của chuyên gia
Stt	Mô tả	Yêu cầu		Đạt	Không đạt	
Kết luận						

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT và E-HSDT.

(3): Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin được trích xuất. Đối với nội dung về hợp đồng tương tự, trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia".

Trường hợp sau khi đối chiếu tài liệu, các thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT không thống nhất với các tài liệu mà nhà thầu cung cấp thì bên mời thầu yêu cầu tổ chuyên gia đánh giá lại. Trong trường hợp này, tổ chuyên gia tiến hành đánh giá lại và ghi rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia".

Riêng đối với nội dung về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác của gói thầu mua sắm hàng hóa, tổ chuyên gia đánh giá căn cứ vào thông tin nêu trong E-HSDT.

Mẫu số 2B (Webform trên Hệ thống)**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC KỸ THUẬT**

E-HSDT của nhà thầu: _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

a) Đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Stt	E-HSMT ⁽¹⁾				Thông tin tóm tắt trong E-HSDT ⁽²⁾	Kết quả đánh giá ⁽³⁾		Nhận xét của tổ chuyên gia ⁽⁴⁾
	Số lượng, vị trí công việc	Trình độ chuyên môn	Tổng số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong công việc tương tự		Đạt	Không đạt	
Kết luận								

b) Đánh giá về thiết bị thi công:

Stt	E-HSMT ⁽¹⁾		Thông tin tóm tắt trong E-HSDT ⁽²⁾	Kết quả đánh giá ⁽³⁾		Nhận xét của tổ chuyên gia ⁽⁴⁾
	Loại thiết bị và đặc điểm	Số lượng		Đạt	Không đạt	
Kết luận						

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT;

(2): Hệ thống tự động trích xuất tóm tắt thông tin trong E-HSDT;

(3), (4): Tổ chuyên gia đánh giá dựa trên thông tin mà nhà thầu kê khai, nêu ý kiến nhận xét trong trường hợp đánh giá là không đạt.

Mẫu số 3A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

E-HSĐT của nhà thầu

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong E- HSMT ⁽²⁾		ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
	TỔNG CỘNG					
	KẾT LUẬN ⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu.

Mẫu số 3B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

E-HSDT của nhà thầu

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾			Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt		
	KẾT LUẬN ⁽³⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

Mẫu số 4 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ

E-HSDT của nhà thầu _____

Stt	Công thức xác định giá đánh giá	Giá đánh giá⁽¹⁾ (chưa tính ưu đãi)
1		
2		
3		
4		
TỔNG CỘNG		

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Giá đánh giá chưa bao gồm ưu đãi đối với các hàng hóa trong nước.

Mẫu số 5 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU

(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định chính xác hàng hóa do nhà thầu chào có thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hay không. Từ đó, xác định các hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở xác định Δ_{UD} theo Mẫu số 6 như sau:

Stt	Hàng hóa	Nhà thầu	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)
	Hàng hóa 1		
	Hàng hóa 2		
	Hàng hóa 3		
	...		

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ
tên)

Ghi chú:

(1) Hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

(2) Ghi tên các nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu
đãi.

Mẫu số 6 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

**XÁC ĐỊNH Δ_{UD} ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)**

E-HSDT của nhà thầu

Stt	Hàng hóa	Giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có)	Δ_{UD}
(1)	(2)	(3)	(4)
	Hàng hóa 1		
	Hàng hóa 2		
		
	Tổng cộng		

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ
tên)

Ghi chú:

(2) Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;

(3) Giá dự thầu sau trừ giá trị giảm giá (nếu có) của từng loại hàng hóa tương ứng ở cột (2);

(4) Cách xác định Δ_{UD} đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi = $7,5\% \times (3)$.

Mẫu số 7 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**

E-HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))	
2	Giá trị giảm giá (nếu có)	
3	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có)	
1	Phương pháp giá thấp nhất⁽¹⁾	
4	Δ_{UD} (nếu có) ⁽²⁾	
5	Giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có)	
1	Phương pháp giá đánh giá⁽³⁾	
6	Giá đánh giá (chưa tính ưu đãi)	
7	Δ_{UD} (nếu có) ⁽⁴⁾	
8	Giá đánh giá (sau khi tính ưu đãi)	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:*(1) Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì bỏ nội dung này.**(3) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì bỏ nội dung này.**(2), (4) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, Δ_{UD} là giá trị cộng thêm đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi, được xác định theo kết quả ở Mẫu số 6.*

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN
VỊ
ĐÁNH GIÁ E-HSDT]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất*]
thuộc dự án _____ [*Hệ thống trích xuất*]
Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Chủ đầu tư: [*Hệ thống trích xuất*]
- Bên mời thầu: [*Hệ thống trích xuất*]
- Tên dự án: [*Hệ thống trích xuất*]
- Tên gói thầu: [*Hệ thống trích xuất*];
- Số KHLCNT: [*Hệ thống trích xuất*] thời điểm đăng tải [*Hệ thống trích xuất*];
- Số E-TBMT: [*Hệ thống trích xuất*] thời điểm đăng tải [*Hệ thống trích xuất*];
- Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê và đính kèm (bản chụp) báo cáo này. (*Phần này đơn vị lập báo cáo đánh giá điền*).

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [*Ghi tên Bên mời thầu/đơn vị tư vấn*] thành lập theo Quyết định số [*Ghi số và ngày ban hành văn bản*] để thực hiện đánh giá E- HSDT gói thầu [*trích xuất từ Hệ thống*] thuộc dự án [*trích xuất từ Hệ thống*].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đánh giá E-HSDT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [*Ghi số hiệu hợp đồng*] ngày [*Ghi thời gian ký hợp đồng*] giữa [*Ghi tên Bên mời thầu*] và _____ [*Ghi tên đơn vị tư vấn*] về việc

thuê tổ chức/đơn vị đánh giá E-HSDT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án [trích xuất từ Hệ thống].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Phần này mô tả số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDT

1. Biên bản mở thầu

[trích xuất biên bản mở thầu từ Hệ thống]

2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây: (được trích xuất từ Mẫu số 1)

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)

b) Thuyết minh về các trường hợp E-HSDT không hợp lệ: (Hệ thống tự động trích xuất các nội dung ý kiến của tổ chuyên gia về việc nhà thầu được đánh giá không đạt, kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSDT).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ E-HSDT).

3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

a) Kết quả đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây: (được trích xuất từ Mẫu số 2A và Mẫu số 2B):

Bảng số 3

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong E-HSMT. *Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSDT (nếu có)).*

c) Các nội dung làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ E-HSDT).*

4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây: (được trích xuất từ Mẫu số 3A hoặc Mẫu số 3B):

Bảng số 4

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả đánh giá	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong E-HSMT (kể cả khi đã làm rõ E-HSDT). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSDT.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó.*

5. Kết quả đánh giá về tài chính

Kết quả đánh giá về giá được tổng hợp theo **Bảng số 5** dưới đây: (được trích xuất từ Mẫu số 7):

Bảng số 5

Stt	Nội dung	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))			
5	Giá trị giảm giá (nếu có)			
6	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có)			

Stt	Nội dung	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
	Phương pháp giá thấp nhất			
9	Δ_{UD} (nếu có)			
10	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có)			
	Phương pháp giá đánh giá			
11	Giá đánh giá (chưa tính ưu đãi)			
12	Δ_{UD} (nếu có)			
13	Giá đánh giá (sau khi tính ưu đãi)			

Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá về tài chính (nếu có).

6. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 6** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 6

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT			
2	Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm			
3	Kết quả đánh giá về kỹ thuật			
	Phương pháp giá thấp nhất			
4	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có)			
5	Xếp hạng các E-HSDT*			
	Phương pháp giá đánh giá			
6	Giá đánh giá (sau khi tính ưu đãi)			
7	Xếp hạng các E-HSDT*			

Ghi chú:

- * Đối với gói thầu xây lắp áp dụng đấu thầu trong nước: việc xếp hạng các E-HSDT cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

+ E-HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn E-HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp E-HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 63/CP.

+ Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các E-HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo

quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSĐT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;

2. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSĐT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

**PHẦN II:
DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM**

Stt	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
I	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
1.	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
2.	Quyết định phê duyệt E-HSMT	
3.	Văn bản thành lập tổ chuyên gia	
4.	Quy chế làm việc của tổ chuyên gia (nếu có)	
5.	Bản cam kết của từng thành viên trong tổ chuyên gia	
6.	Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu hoặc chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu của các thành viên trong tổ chuyên gia (bản chụp)	
II	Đánh giá E-HSDT	
7.	Biên bản mở thầu	
8.	Văn bản yêu cầu làm rõ E-HSMT, làm rõ E-HSMT (nếu có)	
9.	Văn bản yêu cầu làm rõ E-HSDT, làm rõ E-HSDT (nếu có)	
10.	Các tài liệu khác có liên quan	

**2. Mẫu số 45B - Mẫu báo cáo đánh giá E-HSDT cho gói thầu dịch vụ phi tư
vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp**

(Theo quy trình số 02)

(Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

(Theo Mẫu số 01B (quy trình 2) kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên mạng
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu qua mạng
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu qua mạng
Chủ đầu tư	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên

PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 1 (Webform trên Hệ thống)**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng Nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	
1	Bảo đảm dự thầu ⁽¹⁾			
2	Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) ⁽²⁾			
3	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽³⁾			
4	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu ⁽²⁾			
4.1	Hạch toán tài chính độc lập ⁽²⁾			
4.2	Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật ⁽²⁾			
4.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu ⁽²⁾			
4.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ⁽²⁾			
4.5	Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp ⁽⁴⁾			
KẾT LUẬN				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan thư bảo lãnh.

(2) Hệ thống tự động đánh giá.

(3) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan thỏa thuận liên danh.

(4) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 5 tỷ đồng. Hệ thống tự động đánh giá.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia".

Mẫu số 2A (Webform trên Hệ thống)

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(ngoài năng lực kỹ thuật)

E-HSDT của nhà thầu: _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT ⁽¹⁾			Thông tin trong E-HSDT ⁽²⁾	Kết quả đánh giá ⁽³⁾		Nhận xét của chuyên gia
Stt	Mô tả	Yêu cầu		Đạt	Không đạt	
Kết luận						

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT và E-HSDT.

(3): Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin được trích xuất. Đối với nội dung về hợp đồng tương tự, trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia".

Trường hợp sau khi đối chiếu tài liệu, các thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT không thống nhất với các tài liệu mà nhà thầu cung cấp thì bên mời thầu yêu cầu tổ chuyên gia đánh giá lại. Trong trường hợp này, tổ chuyên gia tiến hành đánh giá lại và ghi rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia".

Riêng đối với nội dung về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác của gói thầu mua sắm hàng hóa, tổ chuyên gia đánh giá căn cứ vào thông tin nêu trong E-HSDT.

Mẫu số 2B (Webform trên Hệ thống)**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC KỸ THUẬT**

E-HSDT của nhà thầu: _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

a) Đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Stt	E-HSMT ⁽¹⁾				Thông tin tóm tắt trong E-HSDT ⁽²⁾	Kết quả đánh giá ⁽³⁾		Nhận xét của tổ chuyên gia ⁽⁴⁾
	Số lượng, vị trí công việc	Trình độ chuyên môn	Tổng số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong công việc tương tự		Đạt	Không đạt	
Kết luận								

b) Đánh giá về thiết bị thi công:

Stt	E-HSMT ⁽¹⁾		Thông tin tóm tắt trong E-HSDT ⁽²⁾	Kết quả đánh giá ⁽³⁾		Nhận xét của tổ chuyên gia ⁽⁴⁾
	Loại thiết bị và đặc điểm	Số lượng		Đạt	Không đạt	
Kết luận						

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT;

(2): Hệ thống tự động trích xuất tóm tắt thông tin trong E-HSDT;

(3), (4): Tổ chuyên gia đánh giá dựa trên thông tin mà nhà thầu kê khai, nêu ý kiến nhận xét trong trường hợp đánh giá là không đạt.

Mẫu số 3A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

E-HSMT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong E- HSMT ⁽²⁾		ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
	TỔNG CỘNG					
	KẾT LUẬN ⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu.

Mẫu số 3B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

E-HSDT của nhà thầu

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾			Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt		
KẾT LUẬN⁽³⁾						

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

Phần này mô tả số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDT

1. Kết quả mở thầu

a) Kết quả mở thầu được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây (sắp xếp theo thứ tự giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) từ thấp đến cao):

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Giá gói thầu	Giá dự thầu	Giá trị giảm giá (nếu có)	Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)	Xếp hạng nhà thầu

2. Kết quả đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật của E- HSDT xếp thứ nhất được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây (tổng hợp trên cơ sở Mẫu số 1, 2, 3):

Bảng số 3

Tên nhà thầu	Tính hợp lệ	Năng lực, kinh nghiệm	Kỹ thuật
Nhà thầu xếp thứ nhất			

Tên nhà thầu	Tính hợp lệ	Năng lực, kinh nghiệm	Kỹ thuật
Nhà thầu xếp hạng tiếp theo			
.....			

b) Thuyết minh về các trường hợp E-HSĐT không hợp lệ (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của bên mời thầu).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSĐT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSĐT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT của nhà thầu.

3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSĐT

Kết quả đánh giá E-HSĐT được tổng hợp theo **Bảng số 4** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 4

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả mở thầu (giá sau giảm giá)	Xếp hạng	Đánh giá E-HSĐT			Kết luận
				Tư cách hợp lệ	Năng lực, kinh nghiệm	Kỹ thuật	

Tổ chuyên gia nêu các ý kiến nhận xét (nếu có):

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSĐT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Tên nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng

2. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSĐT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

**PHẦN II:
DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM**

Stt	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
I	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
1.	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
2.	Quyết định phê duyệt E-HSMT	
3.	Văn bản thành lập tổ chuyên gia	
4.	Quy chế làm việc của tổ chuyên gia (nếu có)	
5.	Bản cam kết của từng thành viên trong tổ chuyên gia	
6.	Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu hoặc chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu của các thành viên trong tổ chuyên gia (bản chụp)	
II	Đánh giá E-HSDT	
7.	Biên bản mở thầu	
8.	Văn bản yêu cầu làm rõ E-HSMT, làm rõ E-HSMT (nếu có)	
9.	Văn bản yêu cầu làm rõ E-HSDT, làm rõ E-HSDT (nếu có)	
10.	Các tài liệu khác có liên quan	

Mẫu số 46 - Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng
(Theo Phụ lục 3A kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp)

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Số: _____ / _____

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như: Luật đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự án, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu...].

Hôm nay, ngày ___ / ___ / ___ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu: _____ [ghi tên Bên mời thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Nhà thầu: _____ [ghi tên nhà thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Hai bên đã thương thảo⁽¹⁾ và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

- *Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSĐT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSĐT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;*

- *Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong E-HSĐT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế;*

- *Thương thảo về nhân sự;*
- *Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;*
- *Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng;*
- *Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.*

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào _____ ngày ___/___/____. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành _____ bản, bên A giữ _____ bản, bên B giữ _____ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng phải tuân thủ theo quy định trong E-HSMT, Nghị định 63/CP, Luật đấu thầu.

Mẫu số 47 - Mẫu văn bản trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
(Theo Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu....
[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Bên mời thầu nêu các căn cứ pháp lý như sau:

- Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng;
- Biên bản thương thảo hợp đồng.

2. Quá trình thương thảo hợp đồng

a) Bên mời thầu mô tả quá trình thương thảo, tóm tắt các nội dung thương thảo hợp đồng:

- Ngày tháng tiến hành thương thảo;
- Các vấn đề trong quá trình thương thảo.

b) Lưu ý đối với Chủ đầu tư trong quá trình hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

3. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá E-HSĐT và thương thảo với nhà thầu _____ *[ghi tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu]*, _____ *[ghi tên Bên mời thầu]* kiến nghị _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu theo KHLCNT]* với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu;
- Giá đề nghị trúng thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Danh sách nhà thầu phụ (nếu có);
- Các thông tin khác;

- Tài liệu gửi kèm theo: báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia, biên bản thương thảo hợp đồng, tờ trình, quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu và các tài liệu khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định (để thẩm định);
- Lưu: VT,

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 48 - Mẫu Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu
(Theo Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 19/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có) _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]
Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]
Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

- Căn cứ¹ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội];

- Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];

- Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];

- Căn cứ văn bản trình duyệt số _____ [Ghi số hiệu văn bản trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] ngày _____ [Ghi thời gian văn bản trình duyệt] của _____ [Ghi tên bên mời thầu] về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu nói trên và các tài liệu liên quan;

_____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Nội dung thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án, gói thầu

Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, các cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà thầu

2. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà thầu

Phần này nêu tóm tắt toàn bộ quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu từ khi có thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu/thông báo mời chào hàng đến khi trình thẩm định, phê

duyet kết quả lựa chọn nhà thầu và tóm tắt đề xuất, kiến nghị của bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Tổ chức thẩm định

Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của tổ chức thẩm định trong quá trình thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu² của các thành viên trong tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)		
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)		
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi		
5	- Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp, hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)		
6	Quyết định phê duyệt danh sách ngăn (nếu có)		

7	- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu - Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu điều chỉnh (nếu có)		
8	Quyết định thành lập tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất ³		
9	Báo cáo đánh giá do tổ chuyên gia thực hiện		
10	Phê duyệt xếp hạng nhà thầu ⁴		
11	Biên bản thương thảo hợp đồng		
12	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định nhận được;

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý và những lưu ý cần thiết.

2. Quá trình tổ chức thực hiện

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các nội dung dưới đây:

2.1. Thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
1	Thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu/thông báo chào hàng	[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu/thông		

		<i>báo chào hàng đến ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu]</i>		
2	Phát hành hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu	<i>[Ghi thời gian thực tế phát hành hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu]</i>		
3	Ngày có thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]</i>		
4	Mở thầu	<i>[Ghi thời gian trong biên bản mở thầu]</i>		
5	Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất	<i>[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu]</i>		
6	Thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu đến các nhà thầu (nếu có)	<i>[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày phát hành văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu cuối cùng đến ngày có thời điểm đóng thầu]</i>		
7	Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất	<i>[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt các nội dung liên quan]</i>		

Ghi chú:

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại Bảng số 02, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết.

2.2. Đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

STT	Nội dung kiểm tra	Phương tiện đăng tải	Số báo/Ngày đăng tải	Kết quả thẩm định	
				Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu				
2	Thông báo mời thầu/Đăng tải danh sách ngắn				
3	Thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)				

Ghi chú:

- Cột [4] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về việc đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [5] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 03**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết.

2.3. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng:

Kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

Bảng số 04

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]
1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất		
2	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm; kỹ thuật được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		
3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		
4	Nội dung thương thảo hợp đồng		

Ghi chú:

- Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, tổ chức thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét về việc nhà thầu cập nhật lại năng lực, kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển (nếu có) đã được đánh giá.

- Trường hợp hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất có sai sót không nghiêm trọng được tổ chức chuyên gia, bên mời thầu chấp nhận thì tổ chức thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét về sai sót đó có đúng là sai sót không nghiêm trọng không, hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất có đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu không. Nếu việc chấp nhận sai sót không nghiêm trọng của tổ chức chuyên gia/bên mời thầu là phù hợp thì tổ chức thẩm định nhận xét về việc bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp thông tin và tài liệu để khắc phục sai sót có đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu không. Nếu việc chấp nhận sai sót không nghiêm trọng của tổ chức chuyên gia, bên mời thầu là không phù hợp thì tổ chức thẩm định đánh dấu “X” vào ô tương ứng.

- Cột [2] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu được duyệt.

- Cột [3] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu, tiêu chuẩn đánh giá được duyệt. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định trong hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 04**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng và những lưu ý cần thiết.

III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có).

2. Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia.

IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA BÊN MỜI THẦU VỚI TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có).

2. Ý kiến thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia.

V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ý kiến thẩm định đối với gói thầu được tổng hợp tại **Bảng số 05** dưới đây:

Bảng số 05

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thông nhất	Không thông nhất
	[1]	[2]	[3]
1	Căn cứ pháp lý		
2	Quá trình tổ chức thực hiện		
2.1	Thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu		
2.2	Đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu		
3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng		

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thông nhất	Không thông nhất
3.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất		
3.2	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm; kỹ thuật được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		
3.3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		
3.4	Danh sách xếp hạng nhà thầu		
3.5	Nội dung thương thảo hợp đồng		
4	Kết quả lựa chọn nhà thầu		
4.1	Nhà thầu được đề nghị trúng thầu		
4.2.	Giá đề nghị trúng thầu		
5	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu		
6	Nội dung khác (nếu có)		

Ghi chú:

Trường hợp tổ chức thẩm định thông nhất với nội dung tại cột [1] thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [2]; trường hợp không thông nhất thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [3].

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- Về cơ sở pháp lý, việc tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan;

- Về kết quả đạt được: nhà thầu được đề nghị trúng thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng các tiêu chí đánh giá, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu;

- Về tính cạnh tranh, công bằng: trong quá trình tổ chức đấu thầu, việc yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ có bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng giữa các nhà thầu không;

- Về tính minh bạch, công khai trong việc đăng tải thông tin, mở thầu;

- Về tính hiệu quả kinh tế của gói thầu: giá trị tiết kiệm so với dự toán gói thầu được duyệt hoặc so với tổng mức đầu tư, dự toán trong quyết định phê duyệt dự án, dự toán;

- Ý kiến thông nhất hoặc không thông nhất về kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thông nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Ngoài ra, tại phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có).

2. Kiến nghị

a) Trường hợp lựa chọn được nhà thầu được đề nghị trúng thầu, tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư phê duyệt theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở đề nghị của bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [*Ghi tên tổ chức thẩm định*] kiến nghị _____ [*Ghi tên chủ đầu tư*] phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc _____ [*Ghi tên dự án*] theo các nội dung sau:

- Tên nhà thầu: _____ [*Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp đấu thầu quốc tế) của nhà thầu được đề nghị trúng thầu*];

- Giá đề nghị trúng thầu: _____ [*Ghi rõ cơ cấu loại tiền, số tiền bằng chữ và bằng số, có bao gồm thuế hay không...*];

- Loại hợp đồng: _____ [*Ghi rõ loại hợp đồng theo hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu*];

- Thời gian thực hiện hợp đồng;

- Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không thống nhất với đề nghị của bên mời thầu hoặc chưa có đủ cơ sở kết luận về kết quả lựa chọn nhà thầu (bao gồm cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu được đề nghị trúng thầu) thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

c) Các ý kiến khác (nếu có).

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ [*Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ thẩm định*].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

² Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

³ Đối với nội dung này tổ chức thẩm định phải kiểm tra việc các thành viên tổ chuyên gia có đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu và Điều 116 Nghị định 63/2014/NĐ-CP hay không.

⁴ Không áp dụng đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp.

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Liệt kê danh mục các tài liệu tổ chức thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mẫu số 51 - Mẫu Biên bản đóng thầu
(Theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN ĐÓNG THẦU⁽¹⁾

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: ____ [Ghi tên dự án theo quyết định đầu tư].

II. Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Bên mời thầu và các nhà thầu nộp HSDT:

1. Bên mời thầu: ____ [Ghi tên thành viên tiếp nhận HSDT].

2. Danh sách các nhà thầu nộp HSDT tính đến thời điểm đóng thầu:

Stt	Tên nhà thầu	Địa chỉ	Số điện thoại, fax	Tình trạng niêm phong	Ghi chú

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị rút, thay thế, sửa đổi, bổ sung HSDT (nếu có): ____ [Ghi tên, địa chỉ của nhà thầu].

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC (NẾU CÓ)

Thời điểm đóng thầu: ____ [ghi thời điểm đóng thầu] tại ____ [ghi địa điểm đóng thầu].

Chữ ký của Bên mời thầu _____

[Đại diện Bên mời thầu ký tên, đóng dấu (nếu có)].

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu không cần lập Biên bản đóng thầu khi thấy không cần thiết.

Mẫu số 52 - Biên bản mở thầu
(Theo Phụ lục 2A kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN MỞ THẦU
(đối với gói thầu áp dụng phương thức
một giai đoạn một túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc ____ [Ghi thời điểm mở thầu] tại ____ [Ghi địa điểm mở thầu].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: ____ [Ghi tên dự án theo quyết định đầu tư].

II. Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu mua hoặc nhận HSDT từ bên mời thầu: ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].

2. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].

3. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].

4. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ THẦU

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1.	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2.	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3.	Bản gốc HSDT			
4.	Số lượng bản chụp HSDT			
5.	Thời gian có hiệu lực của HSDT (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDT nêu trong đơn dự thầu)			

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
6.	Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có)			
7.	Giảm giá (nếu có)			
8.	Giá dự thầu sau giảm giá			
9.	Giá dự thầu trong bảng tổng hợp giá dự thầu			
10.	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu			
11.	Thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong đơn dự thầu			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở thầu (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [*Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)*].

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở thầu kết thúc vào: _____ [*Ghi thời điểm kết thúc lễ mở thầu*]

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu:

Ghi chú:

Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSĐT. Việc mở thầu tuân thủ theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định 63/CP và HSMT.

**Mẫu số 54 - Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, bao gồm
Mẫu số 54A đối với đấu thầu qua mạng, Mẫu số 54B đối với đấu thầu không qua
mạng**
*(Theo Phụ lục 2A kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT đối với đấu thầu qua
mạng và Theo Phụ lục 5A kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT đối với đấu
thầu không qua mạng)*

1. Mẫu số 54A - Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu đối với đấu thầu qua mạng
(Theo Phụ lục 2A kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu....⁸
[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]
(đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ đánh giá theo quy trình 01)

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu.

2. Nội dung gói thầu

Theo KHLCNT, Bên mời thầu điền các nội dung liên quan đến gói thầu như sau:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu;
- Nguồn vốn;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu tóm tắt quá trình thực hiện theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
2	Đăng tải KHLCNT	<i>[Ghi ngày đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]</i>
3	Mời thầu	
3.1	Đăng tải thông báo mời thầu và	<i>[ghi số thông báo mời thầu và thời</i>

⁸ Danh sách xếp hạng nhà thầu không cần phải thẩm định trước khi phê duyệt. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không xếp hạng nhà thầu.

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
	phát hành E-HSMT	<i>điểm đăng tải</i>
3.3	Làm rõ E-HSMT (nếu có)	<i>[Ghi thời gian, số, ngày, ký hiệu của văn bản yêu cầu làm rõ của nhà thầu và văn bản làm rõ E-HSMT của Bên mời thầu]</i>
3.4	Sửa đổi E-HSMT (nếu có)	<i>[Ghi thời gian, số, ký hiệu ban hành văn bản sửa đổi E-HSMT]</i>
3.6	Thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi thời điểm đóng thầu]</i>
4	Mở thầu	
4.1	Thời gian mở thầu	<i>[Ghi thời gian hoàn thành mở thầu]</i>
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	<i>[Ghi các vấn đề và cách xử lý]</i>
5	Đánh giá E-HSDT	
5.1	Thời gian đánh giá E-HSDT	<i>[Ghi thời gian đánh giá E-HSDT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm]</i>

b) *Nêu các vấn đề trong quá trình đánh giá E-HSDT; các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;*

c) *Kết luận của tổ chuyên gia về danh sách xếp hạng nhà thầu;*

d) *Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;*

đ) *Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.*

4. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá E-HSDT, _____ *[ghi tên Bên mời thầu]* kiến nghị _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu theo KHLCNT]*:

[Danh sách xếp hạng các nhà thầu theo thứ tự].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

2. Mẫu số 54B - Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu đối với đấu thầu không qua mạng
(Theo Phụ lục 5A kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu....⁹

[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu.

2. Nội dung gói thầu

Theo KHLCNT, Bên mời thầu điền các nội dung liên quan đến gói thầu như sau:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu;
- Nguồn vốn;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu tóm tắt quá trình thực hiện theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
2	Đăng tải KHLCNT	<i>[Ghi ngày đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]</i>
3	Mời thầu	
3.1	Đăng tải thông báo mời thầu hoặc gửi thư mời thầu	<i>[Ghi phương tiện đăng tải, số báo và thời gian đăng tải hoặc số văn bản hoặc số thông báo trên hệ thống]</i>
3.2	Thời gian phát hành HSMT	<i>[Ghi thời gian thực tế phát hành HSMT]</i>

⁹ Danh sách xếp hạng nhà thầu không cần phải thẩm định trước khi phê duyệt. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không xếp hạng nhà thầu.

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
3.3	Làm rõ HSMT (nếu có)	[Ghi thời gian, số, ngày, ký hiệu của văn bản yêu cầu làm rõ của nhà thầu và văn bản làm rõ HSMT của Bên mời thầu]
3.4	Sửa đổi HSMT (nếu có)	[Ghi thời gian, số, ký hiệu ban hành văn bản sửa đổi HSMT]
3.5	Thời gian tổ chức hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	[Ghi thời gian tổ chức hội nghị]
3.6	Thời điểm đóng thầu	[Ghi thời điểm đóng thầu]
3.7	Gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	[Ghi thời điểm đóng thầu mới]
3.8	Danh sách nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu	Liệt kê nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu
3.9	Danh sách nhà thầu nộp HSDT đến thời điểm đóng thầu	[Liệt kê nhà thầu nộp HSDT đến thời điểm đóng thầu]
3.10	Danh sách nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có)	[Liệt kê nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu]
4	Mở thầu	
4.1	Thời gian và địa điểm mở thầu	[Ghi thời gian và địa điểm mở thầu]
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	[Ghi các vấn đề và cách xử lý]
5	Đánh giá HSDT	
5.1	Thời gian đánh giá HSDT	[Ghi thời gian đánh giá HSDT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm]

b) Nêu các vấn đề trong quá trình đánh giá HSDT; các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;

c) Kết luận của tổ chuyên gia về danh sách xếp hạng nhà thầu;

d) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

đ) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSDT, _____ [ghi tên Bên mời thầu] kiến nghị _____ [ghi tên Chủ đầu tư] phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của gói thầu _____ [ghi tên gói thầu theo KHLCNT]:

[Danh sách xếp hạng các nhà thầu theo thứ tự].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 55 - Mẫu Biên bản thương thảo Hợp đồng, bao gồm Mẫu 55A đối với gói thầu phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, Mẫu 55B đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

(Đối với gói thầu phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp theo Phụ lục 3A kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT, đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn theo Phụ lục 3B kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

**1. Mẫu số 55A - Mẫu Biên bản thương thảo Hợp đồng đối với gói thầu phi tư
vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp**
(Theo Phụ lục 3A kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp)

A.1.1. Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Số: _____ / _____

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như: Luật đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự án, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu...].

Hôm nay, ngày ___ / ___ / ___ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu: _____ [ghi tên Bên mời thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Nhà thầu: _____ [ghi tên nhà thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Hai bên đã thương thảo⁽¹⁾ và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau: -
Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

- *Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong E-HSDT (nếu*

có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế;

- Thương thảo về nhân sự;
- Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng;
- Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào _____ ngày ___/___/____. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành _____ bản, bên A giữ _____ bản, bên B giữ _____ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng phải tuân thủ theo quy định trong E-HSMT, Nghị định 63/CP, Luật đấu thầu.

2. Mẫu số 55B - Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

(Theo Phụ lục 3B kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu....¹⁰

[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến quá trình đánh giá HSDXTC:

- *Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*
- *Biên bản mở HSDXTC;*
- *Báo cáo đánh giá HSDXTC của tổ chuyên gia.*

2. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu mô tả quá trình đánh giá HSDXTC, tóm tắt các mốc thời gian và ngày tháng ban hành các quyết định, văn bản có liên quan như sau:

- *Thời gian mở HSDXTC;*
- *Thời gian đánh giá HSDXTC của tổ chuyên gia;*
- *Các vấn đề trong quá trình đánh giá HSDXTC; các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;*
- *Kết luận của tổ chuyên gia.*

b) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

c) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

3. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSDT, _____ *[ghi tên Bên mời thầu]* kiến nghị _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu theo KHLCNT]:*

[Danh sách xếp hạng các nhà thầu theo thứ tự].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MỜI THẦU

(ký tên, đóng dấu (nếu có))

¹⁰ *Danh sách xếp hạng nhà thầu không cần phải thẩm định trước khi phê duyệt. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không xếp hạng nhà thầu.*

Mẫu số 57 - Mẫu Biên bản mở HSDX về kỹ thuật
(Theo Phụ lục 02B kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc ____ [Ghi thời điểm mở thầu] tại ____ [Ghi địa điểm mở thầu].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: ____ [Ghi tên dự án theo quyết định đầu tư].

II. Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu mua hoặc nhận HSDT từ bên mời thầu: ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].

2. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].

3. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].

4. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): ____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSDXKT

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3	Bản gốc HSDXKT			
4	Số lượng bản chụp HSDXKT			
5	Thời gian có hiệu lực của HSDT (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDT nêu trong đơn dự thầu)			
6	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu ⁽¹⁾			
7	Thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong đơn dự thầu			

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
8	Tình trạng niêm phong của HSDXTC			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSDXKT (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [*Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)*].

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSDXKT kết thúc vào: _____ [*Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSDXKT*].

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT:

Ghi chú:

Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng HSDXKT.

HSDXTC của tất cả các nhà thầu phải được Bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của Bên mời thầu, nhà thầu tham dự lễ mở thầu ký niêm phong.

Việc mở HSDXKT tuân thủ theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định 63/CP và HSMT

(1) Bỏ nội dung này đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

Mẫu số 58 - Mẫu Báo cáo đánh giá HSDX về kỹ thuật, bao gồm Mẫu số 58A, Mẫu số 58B đối với đấu thầu qua mạng, Mẫu số 58C đối với đấu thầu không qua mạng

(Đối với đấu thầu qua mạng theo Phần I - Mẫu số 02 áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, Phần I - Mẫu số 03 áp dụng đối với gói thầu tư vấn kèm theo Thông tư 05/2018/TT-BKHĐT; đối với đấu thầu không qua mạng theo Phần I - Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

1. MẪU SỐ 58A - MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT CHO GÓI THẦU MUA SẴM HÀNG HÓA, XÂY LẮP

(phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

(Theo Phần I - Mẫu số 02 áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp
Thông tư 05/2018/TT-BKHĐT)

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu qua mạng
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu qua mạng
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu qua mạng
E-HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật qua mạng
E-HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất về tài chính qua mạng
Chủ đầu tư	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên

PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 1 (Webform trên Hệ thống)
ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng Nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	
1	Bảo đảm dự thầu ⁽¹⁾			
2	Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) ⁽²⁾			
3	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽³⁾			
4	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu ⁽²⁾			
4.1	Hạch toán tài chính độc lập ⁽²⁾			
4.2	Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật ⁽²⁾			
4.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu ⁽²⁾			
4.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ⁽²⁾			
4.5	Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp ⁽⁴⁾			
KẾT LUẬN				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan thư bảo lãnh.

(2) Hệ thống tự động đánh giá.

(3) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan thỏa thuận liên danh.

(4) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 5 tỷ đồng. Hệ thống tự động đánh giá.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia".

Mẫu số 2A (Webform trên Hệ thống)
ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(ngoài năng lực kỹ thuật)

E-HSDT của nhà thầu: _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT ⁽¹⁾			Thông tin trong E-HSDT ⁽²⁾	Kết quả đánh giá ⁽³⁾		Nhận xét của chuyên gia
Stt	Mô tả	Yêu cầu		Đạt	Không đạt	
Kết luận⁽⁴⁾						

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT và E-HSDT.

(3): Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin được trích xuất. Đối với nội dung về hợp đồng tương tự, trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia".

Trường hợp sau khi đối chiếu tài liệu, các thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT không thống nhất với các tài liệu mà nhà thầu cung cấp thì bên mời thầu yêu cầu tổ chuyên gia đánh giá lại. Trong trường hợp này, tổ chuyên gia tiến hành đánh giá lại và ghi rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia".

Riêng đối với nội dung về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác của gói thầu mua sắm hàng hóa, tổ chuyên gia đánh giá căn cứ vào thông tin nêu trong E-HSDT.

Mẫu số 2B (Webform trên Hệ thống)

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC KỸ THUẬT

E-HSDT của nhà thầu: _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

a) Đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Stt	E-HSMT ⁽¹⁾				Thông tin tóm tắt trong E-HSDT ⁽²⁾	Kết quả đánh giá ⁽³⁾		Nhận xét của tổ chuyên gia ⁽⁴⁾
	Số lượng, vị trí công việc	Trình độ chuyên môn	Tổng số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong công việc tương tự		Đạt	Không đạt	
Kết luận ⁽⁵⁾								

b) Đánh giá về thiết bị thi công:

Stt	E-HSMT ⁽¹⁾		Thông tin tóm tắt trong E-HSDT ⁽²⁾	Kết quả đánh giá ⁽³⁾		Nhận xét của tổ chuyên gia ⁽⁴⁾		
	Loại thiết bị và đặc điểm	Số lượng		Đạt	Không đạt			
Kết luận ⁽⁵⁾								

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT;

(2): Hệ thống tự động trích xuất tóm tắt thông tin trong E-HSDT;

(3), (4): Tổ chuyên gia đánh giá dựa trên thông tin mà nhà thầu kê khai, nêu ý kiến nhận xét trong trường hợp đánh giá là không đạt.

Mẫu số 3A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

E-HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong E-HSMT ⁽²⁾		ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
	TỔNG CỘNG					
	KẾT LUẬN ⁽⁴⁾					

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu.

Mẫu số 3B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

E-HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾			Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt		
	KẾT LUẬN⁽³⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
ĐÁNH GIÁ HSDT]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT

Gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất]

thuộc dự án _____ [Hệ thống trích xuất]

Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất tên bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Chủ đầu tư: [Hệ thống trích xuất];
- Bên mời thầu: [Hệ thống trích xuất];
- Tên dự án: [Hệ thống trích xuất];
- Tên gói thầu: [Hệ thống trích xuất];
- Số KHLCNT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Số E-TBMT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê và đính kèm (bản chụp) báo cáo này. (Phần này đơn vị lập báo cáo đánh giá điền).

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [Ghi tên Bên mời thầu/đơn vị tư vấn] thành lập theo Quyết định số [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá E-HSDT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án [trích xuất từ Hệ thống].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đánh giá E-HSDT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên đơn vị tư vấn] về việc thuê tổ chức/đơn vị đánh giá E-HSDT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án [trích xuất từ Hệ thống].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

Phần này mô tả số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSĐXKT

1. Biên bản mở thầu

[trích xuất biên bản mở thầu từ Hệ thống]

2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐXKT

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ E- HSĐXKT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây: (được trích xuất từ Mẫu số 1)

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)

b) Thuyết minh về các trường hợp E- HSĐXKT không hợp lệ: (*Hệ thống tự động trích xuất các nội dung ý kiến của tổ chuyên gia về việc nhà thầu được đánh giá không đạt, kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E- HSĐXKT*).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E- HSĐXKT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSĐT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E- HSĐXKT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ E- HSĐXKT)*.

3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

a) Kết quả đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây: (được trích xuất từ Mẫu số 2A và Mẫu số 2B):

Bảng số 3

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong E-HSMT. *Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E- HSĐXKT (nếu có))*.

c) Các nội dung làm rõ E- HSĐXKT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E- HSĐXKT của*

Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E- HSDXKT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ E- HSDXKT).

4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây: (được trích xuất từ Mẫu số 3A hoặc Mẫu số 3B):

Bảng số 4

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả đánh giá	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong E-HSMT (kể cả khi đã làm rõ E- HSDXKT). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E- HSDXKT.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó.*

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSDXKT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

4. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

5. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

2. Mẫu số 58B - MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN
(Phần I - Mẫu số 03 Thông tư 05/2018/TT-BKHĐT)

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
DVTV	Dịch vụ tư vấn
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
E-HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật
E-HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất về tài chính
Chủ đầu tư	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên

PHẦN I:

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 1 (Webform trên Hệ thống)

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng Nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	
1	Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) ⁽¹⁾			
2	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽²⁾			
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu ⁽¹⁾			
3.1	Hạch toán tài chính độc lập ⁽¹⁾			
3.2	Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật ⁽¹⁾			
3.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu ⁽¹⁾			
3.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ⁽¹⁾			
4	Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có) ⁽³⁾			
KẾT LUẬN⁽⁴⁾				

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(5) Hệ thống tự động đánh giá;

(6) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan thỏa thuận liên danh;

(7) Tổ chuyên gia đánh giá;

(8) Đánh giá theo bản scan tài liệu chứng minh;

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia".

Mẫu số 2 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

E-HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong E-HSMT ⁽²⁾		ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG						
KẾT LUẬN ⁽⁴⁾						

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT.

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSĐXKT

Gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất]
thuộc dự án _____ [Hệ thống trích xuất]
Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

A.1.2. 1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Chủ đầu tư: [Hệ thống trích xuất]
- Bên mời thầu: [Hệ thống trích xuất]
- Tên dự án: [Hệ thống trích xuất]
- Tên gói thầu: [Hệ thống trích xuất];
- Số KHLCNT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Số E-TBMT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê và đính kèm (bản chụp) báo cáo này. (Phần này đơn vị lập báo cáo đánh giá điền).

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [Ghi tên Bên mời thầu/đơn vị tư vấn] thành lập theo Quyết định số [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá E-HSĐT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án [trích xuất từ Hệ thống].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đánh giá E-HSĐT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên đơn vị tư vấn] về việc thuê tổ chức/đơn vị đánh giá E-HSĐT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án [trích xuất từ Hệ thống].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

Phần này mô tả số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT

1. Biên bản mở thầu

[trích xuất biên bản mở thầu từ Hệ thống]

2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDXKT

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ E-HSDXKT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây: *(được trích xuất từ Mẫu số 1)*

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)

b) Thuyết minh về các trường hợp E-HSDXKT không hợp lệ: *(Hệ thống tự động trích xuất các nội dung ý kiến của tổ chuyên gia về việc nhà thầu được đánh giá không đạt, kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSDXKT).*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSDXKT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSDXKT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDXKT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ E-HSDXKT).*

3. Đánh giá chi tiết E-HSDXKT

a) Trên cơ sở đánh giá chi tiết về kỹ thuật của từng E-HSDXKT *(lập theo Mẫu số 3)*, kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Liệt kê tên nhà thầu, số điểm tương ứng (theo thứ tự từ cao xuống thấp trong trường hợp đánh giá theo phương pháp chấm điểm).

Bảng số 3

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả đánh giá	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong E-HSMT (kể cả khi đã làm rõ E-HSDT). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó.*

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSDXKT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

6. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

7. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

8. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

A.2 Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

3. Mẫu số 58C - MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

**(đôi với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp
áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)**

Theo Phần I - Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/ 2013
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật
HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất về tài chính
Chủ đầu tư	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên

**PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT**

(tên gói thầu)

(tên dự án)

(tên Bên mời thầu)

Số: /

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

a) Phần này nêu khái quát về dự án, gói thầu và các văn bản pháp lý là cơ sở để thực hiện gói thầu:

- Tên Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
 - Tên dự án và tóm tắt về dự án;
 - Tên gói thầu và tóm tắt về gói thầu; nội dung của gói thầu được phê duyệt trong KHLCNT;
 - Một số mốc thời gian chính trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.
- Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.

b) Liệt kê danh sách nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu và danh sách nhà thầu nộp HSĐT.

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được _____ [Ghi tên Bên mời thầu/tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp] thành lập theo Quyết định số _____ [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá HSĐT gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp đánh giá HSĐT thì bổ sung nội dung sau: Căn cứ hợp đồng số _____ [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày _____ [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa _____ [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên tổ chức tư vấn hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp] về việc thuê tổ chức/đơn vị đánh giá HSĐT gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

Phần này mô tả số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSĐXKT

1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSĐXKT do Bên mời thầu thực hiện, kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Nội dung không thống nhất		Ghi chú
		Bản gốc	Bản chụp	

2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT

a) Trên cơ sở kiểm tra tính hợp lệ của HSĐXKT (*lập theo Mẫu số 1*); đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXKT (*lập theo Mẫu số 2*), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSĐXKT được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSĐXKT không hợp lệ (*kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSĐXKT*).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSĐXKT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSĐXKT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSĐXKT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSĐXKT).*

3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm (trường hợp không áp dụng sơ tuyển)

a) Trên cơ sở đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu (lập theo Mẫu số 3), kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây:

Bảng số 4

TT	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong HSMT. *Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDXKT).*

c) Các nội dung làm rõ HSDXKT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSDT).*

Ghi chú:

Trường hợp HSMT quy định cho phép nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì tổ chuyên gia tiến hành đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có) theo các tiêu chuẩn quy định trong HSMT.

Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển và khi nộp HSDT có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển thì cần đánh giá lại năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Trên cơ sở đánh giá về kỹ thuật của từng HSDXKT (lập theo Mẫu số 4A hoặc Mẫu số 4B), kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 5** dưới đây:

Liệt kê tên nhà thầu, số điểm tương ứng (theo thứ tự từ cao đến thấp trong trường hợp đánh giá theo phương pháp chấm điểm) hoặc đạt, không đạt trong trường hợp đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt.

Bảng số 5

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả đánh giá	Ghi chú

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSMT (kể cả khi đã làm rõ HSDT). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội*

dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSĐXKT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

- 1. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*
- 2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;*
- 3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSĐT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.*

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

A.3 Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXKT

HSĐXKT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả ⁽¹⁾		Ghi chú
		Có	Không có	
1	Có bản gốc và đủ số lượng bản chụp HSĐXKT			
2	Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT			
3	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽²⁾			
4	Giấy ủy quyền (nếu có) ⁽³⁾			
5	Bảo đảm dự thầu			
6	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu			
7	Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu			
8	Đề xuất về kỹ thuật			
9	Các thành phần khác thuộc HSĐXKT			

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có”.

(2) Trường hợp là nhà thầu liên danh phải kiểm tra nội dung này. Trường hợp nhà thầu độc lập, không áp dụng điều kiện này.

(3) Trường hợp có ủy quyền thì kiểm tra nội dung này. Trường hợp không có ủy quyền thì bỏ nội dung này.

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐXKT

HSĐXKT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾		Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đáp ứng	Không đáp ứng		
1	Bản gốc HSĐXKT				
2	Đơn dự thầu ⁽³⁾				
3	Hiệu lực của HSĐXKT				
4	Bảo đảm dự thầu				
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).				
6	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh)				
7	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu				
KẾT LUẬN⁽⁴⁾					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “Đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng”, nếu đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng” và nêu rõ lý do không đáp ứng tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(3) Đơn dự thầu bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định 63/CP.

(4) HSDT được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đáp ứng”, HSDT được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đáp ứng”.

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

HSDT của nhà thầu: _____

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm ⁽¹⁾			Các yêu cầu cần tuân thủ ⁽²⁾				Kết quả đánh giá ⁽³⁾	Nhận xét của chuyên gia ⁴⁾	Ghi chú
Stt	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh					
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh			
Kết luận⁽⁵⁾									

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đạt” thì ghi “Đạt”, nếu được đánh giá là “không đạt” thì ghi “Không đạt” và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Kế khai các nội dung trong HSDT của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT và lý do “Không đạt”.

(5) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đạt”, nhà thầu được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đạt”.

Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có).

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Mức điểm quy định trong HSMT ⁽²⁾		ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Điểm	Nhận xét của chuyên gia	
TỔNG CỘNG						
KẾT LUẬN⁽⁴⁾						

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét của chuyên gia.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.

Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu (bản chụp), văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (bản chụp).

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung đánh giá ⁽¹⁾	Kết quả đánh giá ⁽²⁾			Nhận xét của chuyên gia	Ghi chú
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt		
KẾT LUẬN⁽³⁾						

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Theo quy định trong HSMT.
 - (2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.
 - (3) HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.
- Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu (bản chụp), văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (bản chụp).

Mẫu số 59 - Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSDX về kỹ thuật, bao gồm Mẫu số 59^a đối với đấu thầu qua mạng; Mẫu số 59B đối với đấu thầu không qua mạng

(Đối với đấu thầu qua mạng theo Phụ lục số 01A kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT; đối với đấu thầu không qua mạng theo Phụ lục 3A kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

1. Mẫu số 59A - Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSDX về kỹ thuật đối với đấu thầu qua mạng

(Theo Phụ lục số 01A kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

[TEN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

Số: _____ / _____

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSDXKT gói thầu....

[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

(đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu.

2. Nội dung gói thầu

Theo KHLCNT, Bên mời thầu điền các nội dung liên quan đến gói thầu như sau:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu;
- Nguồn vốn;
- Thời gian lựa chọn nhà thầu;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu tóm tắt quá trình thực hiện theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
2	Đăng tải KHLCNT	<i>[Ghi ngày đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]</i>
3	Mời thầu	
3.1	Đăng tải thông báo mời thầu và phát hành HSMT	<i>[ghi số thông báo mời thầu và thời điểm đăng tải]</i>
3.3	Làm rõ E-HSMT (nếu có)	<i>[Ghi thời gian, số, ngày, ký hiệu của văn bản yêu cầu làm rõ của nhà thầu và văn bản làm rõ E-HSMT của Bên]</i>

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
		<i>mời thầu]</i>
3.4	Sửa đổi E-HSMT (nếu có)	<i>[Ghi thời gian, số, ngày ban hành văn bản sửa đổi]</i>
3.6	Thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi thời điểm đóng thầu]</i>
4	Mở thầu	
4.1	Thời gian mở thầu	<i>[Ghi thời gian hoàn thành mở thầu]</i>
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	<i>[Ghi các vấn đề và cách xử lý]</i>
5	Đánh giá HSĐXKT	
5.1	Thời gian đánh giá E-HSĐXKT	<i>[Ghi thời gian đánh giá E-HSĐT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm]</i>

b) Các vấn đề trong quá trình đánh giá E-HSĐXKT, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;

c) Kết luận của tổ chuyên gia về danh sách nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;

d) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

đ) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá E-HSĐXKT, _____ *[ghi tên Bên mời thầu]* kiến nghị _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu theo KHLCNT]:*

[Liệt kê:

- Các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, số điểm kỹ thuật;
- Các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, số điểm kỹ thuật.]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định (để thẩm định);
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

2. Mẫu số 59B - Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDX về kỹ thuật đối với đấu thầu không qua mạng
(Theo Phụ lục 3A kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSDXKT gói thầu....

[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu.

2. Nội dung gói thầu

Theo KHLCNT, Bên mời thầu điền các nội dung liên quan đến gói thầu như sau:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu;
- Nguồn vốn;
- Thời gian lựa chọn nhà thầu;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu tóm tắt quá trình thực hiện theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
2	Đăng tải KHLCNT	<i>[Ghi ngày đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]</i>
3	Mời thầu	
3.1	Đăng tải thông báo mời thầu hoặc gửi thư mời thầu	<i>[Ghi phương tiện đăng tải, thời điểm đăng tải]</i>
3.2	Thời gian phát hành HSMT	<i>[Ghi thời gian thực tế phát hành HSMT]</i>
3.3	Làm rõ HSMT (nếu có)	<i>[Ghi thời gian, số, ngày, ký hiệu của văn bản yêu cầu làm rõ của nhà thầu và văn bản làm rõ HSMT của Bên mời thầu]</i>
3.4	Sửa đổi HSMT (nếu có)	<i>[Ghi thời gian, số, ngày ban hành]</i>

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
		<i>văn bản sửa đổi]</i>
3.5	Thời gian tổ chức hội nghị tiền đấu thầu (nếu có)	<i>[Ghi thời gian tổ chức hội nghị]</i>
3.6	Thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi thời điểm đóng thầu]</i>
3.7	Giá hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)	<i>[Ghi thời điểm đóng thầu mới]</i>
3.8	Danh sách nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu	<i>Liệt kê nhà thầu mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu]</i>
3.9	Danh sách nhà thầu nộp HSDT đến thời điểm đóng thầu	<i>[Liệt kê nhà thầu nộp HSDT đến thời điểm đóng thầu]</i>
3.10	Danh sách nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có)	<i>[Liệt kê nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu]</i>
4	Mở thầu	
4.1	Thời gian và địa điểm mở thầu	<i>[Ghi thời gian và địa điểm mở thầu]</i>
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	<i>[Ghi các vấn đề và cách xử lý]</i>
5	Đánh giá HSDXKT	
5.1	Thời gian đánh giá HSDXKT	<i>[Ghi thời gian đánh giá HSDT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm]</i>

b) Các vấn đề trong quá trình đánh giá HSDXKT, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;

c) Kết luận của tổ chuyên gia về danh sách nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;

d) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

đ) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSDXKT, _____ *[ghi tên Bên mời thầu]* kiến nghị _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu theo KHLCNT]:*

[Liệt kê:

- Các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, số điểm kỹ thuật;

- Các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, số điểm kỹ thuật.]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định (để thẩm định);
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 60 - Mẫu Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá HSDX về kỹ thuật
(Theo Mẫu số 06 kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH] **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có) _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
[GHI KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT/KẾT QUẢ LỰA
CHỌN NHÀ THẦU]

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

- Căn cứ¹ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội];

- Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];

- Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];

- Căn cứ văn bản trình duyệt số _____ [Ghi số hiệu văn bản trình duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/ kết quả lựa chọn nhà thầu] ngày _____ [Ghi thời gian văn bản trình duyệt] của _____ [Ghi tên bên mời thầu] về _____ [Ghi kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu] gói thầu nói trên và các tài liệu liên quan;

_____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định _____ [Ghi kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu] gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Kết quả thẩm định _____ [Ghi kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu] gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án, gói thầu

Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, các cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà thầu.

2. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà thầu

Phần này nêu tóm tắt toàn bộ quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu từ khi có

thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu đến khi trình thẩm định, phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu và tóm tắt đề xuất, kiến nghị của bên mời thầu về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Tổ chức thẩm định

Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của tổ chức thẩm định trong quá trình thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu² của các thành viên trong tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
I. Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật			
1	- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)		
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)		
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi		
5	- Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)		
6	Quyết định phê duyệt danh sách ngăn (nếu có)		

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
7	- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu - Quyết định phê duyệt điều chỉnh (nếu có)		
8	Quyết định thành lập tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu ³		
9	Báo cáo đánh giá do tổ chuyên gia thực hiện		
10	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)		
II. Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu			
1	Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật		
2	Báo cáo đánh giá do tổ chuyên gia thực hiện		
3	Phê duyệt xếp hạng nhà thầu		
4	Biên bản thương thảo hợp đồng		
5	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định nhận được;

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý và những lưu ý cần thiết.

2. Quá trình tổ chức thực hiện

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về quá trình tổ chức thực hiện theo các nội dung dưới đây:

2.1. Thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
I. Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật				
1	Thông báo mời thầu	<i>Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông</i>		

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
		<i>báo mời thầu/gửi thư mời thầu đến ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu]</i>		
2	Phát hành hồ sơ mời thầu	<i>[Ghi thời gian thực tế phát hành hồ sơ mời thầu]</i>		
3	Ngày có thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo biên bản đóng thầu]</i>		
4	Mở thầu	<i>[Ghi thời gian trong biên bản mở thầu]</i>		
5	Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu	<i>[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu]</i>		
6	Thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu đến các nhà thầu (nếu có)	<i>[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày phát hành văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu cuối cùng đến ngày có thời điểm đóng thầu]</i>		
II. Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu				
	Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu	<i>[Ghi tổng thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính theo thực tế: - Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được tính từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật - Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính được tính từ ngày mở hồ sơ đề xuất về tài chính đến ngày bên mời thầu trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]</i>		

Ghi chú:

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết.

2.2. Đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

STT	Nội dung kiểm tra	Phương tiện đăng tải	Số báo/Ngày đăng tải	Kết quả thẩm định	
				Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu				
2	Thông báo mời thầu				
3	Thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)				

Ghi chú:

- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về việc đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [5] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về đăng tải thông tin:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả kiểm tra được tổng hợp tại **Bảng số 03**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết.

2.3. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng:

Kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

Bảng số 04

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]
I. Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật			
1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật		
2	Nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định tại hồ sơ mời thầu		
II. Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu			
1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính		
2	Nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính theo các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được quy định tại hồ sơ mời thầu		
3	Nội dung thương thảo hợp đồng		

Ghi chú:

- Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển hoặc mời quan tâm, tổ chức thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét về việc nhà thầu cập nhật lại thông tin về năng lực, kinh nghiệm so với thông tin đã kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển/hồ sơ quan tâm (nếu có) đã được đánh giá.

- Trường hợp hồ sơ dự thầu có sai sót không nghiêm trọng được tổ chức chuyên gia, bên mời thầu chấp nhận thì tổ chức thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét về sai sót đó có đúng là sai sót không nghiêm trọng không, hồ sơ dự thầu có đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu không. Nếu việc chấp nhận sai sót không nghiêm trọng của tổ chức chuyên gia, bên mời thầu là phù hợp thì tổ chức thẩm định nhận xét về việc bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp thông tin và tài liệu để khắc phục sai sót đó có đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu không. Nếu việc chấp nhận sai sót không nghiêm trọng của tổ chức chuyên gia, bên mời thầu là không phù hợp thì tổ chức thẩm định đánh dấu “X” vào ô tương ứng.

- Cột [2] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu cần được duyệt.

- Cột [3] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá được duyệt. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định trong hồ sơ mời thầu.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 04**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng và những lưu ý cần thiết.

III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có).

2. Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia.

IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU GIỮA BÊN MỜI THẦU VỚI TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có).

2. Ý kiến thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia:

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia.

V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ý kiến thẩm định đối với gói thầu được tổng hợp tại **Bảng số 06** dưới đây:

Bảng số 06

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thông nhất	Không thống nhất
	[1]	[2]	[3]
1	Căn cứ pháp lý		
2	Quá trình tổ chức thực hiện		

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
2.1	Thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu		
2.2	Đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu		
3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng		
Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật			
3.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật		
3.2	Nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định tại hồ sơ mời thầu		
Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu			
3.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính		
3.2	Nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính theo các tiêu chuẩn đánh giá về giá/ tài chính được quy định tại hồ sơ mời thầu		
3.3	Danh sách xếp hạng nhà thầu		
3.4	Nội dung thương thảo hợp đồng		
4	Kết quả lựa chọn nhà thầu		
4.1	Nhà thầu được đề nghị trúng thầu		
4.2	Giá đề nghị trúng thầu		
5	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu		
6	Nội dung khác (nếu có)		

Ghi chú:

Trường hợp tổ chức thẩm định thống nhất với nội dung tại cột [1] thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [2]; trường hợp không thống nhất thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [3].

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- Về cơ sở pháp lý, việc tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan;

- Về kết quả đạt được: nhà thầu được đề nghị trúng thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng các tiêu chí đánh giá, có giải pháp khả thi để thực hiện gói

thầu⁴;

- Về tính cạnh tranh, công bằng: trong quá trình tổ chức đấu thầu, việc yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ có bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng giữa các nhà thầu không;

- Về tính minh bạch, công khai trong việc đăng tải thông tin, mở thầu;

- Về tính hiệu quả kinh tế của gói thầu: giá trị tiết kiệm so với dự toán gói thầu được duyệt hoặc so với tổng mức đầu tư, dự toán trong quyết định phê duyệt dự án, dự toán⁵;

- Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Ngoài ra, tại phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có).

2. Kiến nghị

a) Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, trường hợp lựa chọn được danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư phê duyệt theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở đề nghị của bên mời thầu về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] kiến nghị _____ [Ghi tên chủ đầu tư] phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] theo các nội dung sau:

STT	Tên nhà thầu	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Xếp hạng (nếu có)
1	[Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp đấu thầu quốc tế) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật]		
2			
...			
n			

Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, trường hợp lựa chọn được nhà thầu được đề nghị trúng thầu, tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư phê duyệt theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở đề nghị của bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] kiến nghị _____ [Ghi tên chủ đầu tư] phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] theo các nội dung sau:

- Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp đấu thầu quốc tế) của nhà thầu được đề nghị trúng thầu];

- Giá đề nghị trúng thầu: _____ [ghi rõ cơ cấu loại tiền, số tiền bằng chữ và bằng số, có bao gồm thuế hay không...];

- Loại hợp đồng: _____ [Ghi rõ loại hợp đồng theo hồ sơ mời thầu];

- Thời gian thực hiện hợp đồng;

- Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không thống nhất với đề nghị của bên mời thầu hoặc chưa có đủ cơ sở kết luận về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu (bao gồm cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật, nhà thầu được đề nghị trúng thầu) thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

c) Các ý kiến khác (nếu có).

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ [Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ thẩm định].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

**[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]**

¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

² Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

³ Đối với nội dung này tổ chức thẩm định phải kiểm tra việc các thành viên tổ chuyên gia có đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu và Điều 116 Nghị định 63/2014/NĐ-CP hay không.

^{4,5} Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật không phải nêu nhận xét về nội dung này.

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT/KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Liệt kê danh mục các tài liệu tổ chức thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu.

[1] Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

Mẫu số 61 - Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, bao gồm Mẫu số 61A đối với đấu thầu qua mạng; Mẫu số 61B đối với đấu thầu không qua mạng

(Đối với đấu thầu qua mạng theo Phụ lục số 02B Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT); đối với đấu thầu không qua mạng theo Phụ lục 3B kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

1. Mẫu số 61A - Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đối với đấu thầu qua mạng
(Theo Phụ lục số 02B Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

QUYẾT ĐỊNH¹¹

Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu..... [ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu....[ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu] thuộc dự án.....[ghi tên dự án]
(đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

[ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ

[Nêu các căn cứ pháp lý như: Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, Tờ trình của bên mời thầu; Báo cáo thẩm định của tổ thẩm định...]

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu.... thuộc dự án.... bao gồm:

[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu. Trường hợp áp dụng phương pháp chấm điểm phải ghi rõ số điểm và xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ cao đến thấp]

Điều 2. Giao[ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.[ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (....)
- Lưu: VT, BMT (....).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[ký tên, đóng dấu]

¹¹ Chủ đầu tư sử dụng phụ lục này.

2. Mẫu số 61B - Mẫu quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đối với đấu thầu không qua mạng
(Theo Phụ lục 3B kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

QUYẾT ĐỊNH¹²

Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.....[ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu....[ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu] thuộc dự án.....[ghi tên dự án]
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

[ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ

[Nêu các căn cứ pháp lý như: Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, Tờ trình của bên mời thầu; Báo cáo thẩm định của tổ thẩm định...]

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu.... thuộc dự án.... bao gồm:

[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu. Trường hợp áp dụng phương pháp chấm điểm phải ghi rõ số điểm và xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ cao đến thấp]

Điều 2. Giao[ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.[ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (....)
- Lưu: VT, BMT (....).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[ký tên, đóng dấu]

¹² Chủ đầu tư sử dụng phụ lục này.

Mẫu số 62 - Mẫu Biên bản mở HSDX về tài chính
(Theo Phụ lục 04 kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở HSDXTC được bắt đầu vào lúc ____ [Ghi thời điểm mở HSDXTC]
tại ____ [Ghi địa điểm mở HSDXTC].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án: ____ [Ghi tên dự án theo quyết định đầu tư].

II. Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu tham dự: ____ [Ghi tên các nhà thầu].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSDXTC

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Tình trạng niêm phong của HSDXTC			
2	Điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật			
3	Bản gốc HSDXTC			
4	Số lượng bản chụp HSDXTC			
5	Đơn dự thầu thuộc HSDXTC			
6	Thời gian có hiệu lực của HSDXTC			
7	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có)			
8	Giá trị giảm giá (nếu có)			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSDXTC (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

____ [Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)].

Bản chụp biên bản mở HSDXTC được gửi đến tất cả các bên tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSDXTC kết thúc vào: ____ [Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSDXTC].

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC:

Ghi chú:

Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của HSDXTC.

Mẫu số 63 - Mẫu Báo cáo đánh giá HSDX về tài chính, bao gồm Mẫu số 63A, Mẫu số 63B đối với đấu thầu qua mạng; Mẫu số 63C đối với đấu thầu không qua mạng

(Đối với đấu thầu qua mạng theo Phần II - Mẫu số 02 áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp; Phần II - Mẫu số 03 áp dụng đối với gói thầu tư vấn Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT; (đối với đấu thầu không qua mạng theo Phần II - Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

1. Mẫu số 63A - Mẫu Báo cáo đánh giá HSDX về tài chính đối với đấu thầu qua mạng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp
(Theo Phần II - Mẫu số 02 Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

PHẦN II:

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 1 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ

E-HSDT của nhà thầu _____

Stt	Công thức xác định giá đánh giá	Giá đánh giá⁽¹⁾ (chưa tính ưu đãi)
1		
2		
3		
4		
TỔNG CỘNG		

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Giá đánh giá chưa bao gồm ưu đãi đối với các hàng hóa trong nước.

Mẫu số 2 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU

(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định chính xác hàng hóa do nhà thầu chào có thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hay không. Từ đó, xác định các hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của HSMT để làm cơ sở xác định Δ_{VD} theo Mẫu số 3A hoặc Mẫu số 3B như sau:

Stt	Hàng hóa	Nhà thầu	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)
	...		

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong các hàng hóa theo yêu cầu của HSMT.

(2) Ghi tên các nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

Mẫu số 3A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

**XÁC ĐỊNH Δ_{UD} ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa áp dụng
phương pháp giá thấp nhất và giá đánh đánh giá)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Hàng hóa	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)	Δ_{UD}
(1)	(2)	(3)	(4)
		Tổng cộng	

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(2) Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;

(3) Giá dự thầu sau trừ giá trị giảm giá (nếu có) của từng loại hàng hóa tương ứng ở cột (2);

(4) Cách xác định Δ_{UD} đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi = $7,5\% \times$

(3).

Mẫu số 3B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH ĐIỂM ƯU ĐÃI
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa áp dụng
phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Hàng hóa	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có)
(1)	(2)	(3)
	Tổng cộng	(4)
	Giá gói thầu	(5)
	Điểm tổng hợp	(6)
	Điểm ưu đãi	(7)

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cách xác định điểm ưu đãi như sau:

(2) Hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;

(3) Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có) của từng loại hàng hóa tương ứng ở cột

(2);

(5) Giá gói thầu trong KHLCNT hoặc dự toán được duyệt;

(6) Điểm tổng hợp tại Mẫu số 4;

(7) = $7,5\% \times [(4)/(5)] \times (6)$.

Mẫu số 4 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH ĐIỂM TỔNG HỢP

(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

HSDT của nhà thầu _____

A. Xác định điểm giá

$G_{\text{nà}} \text{ thầ}}$	$G_{\text{thá}} \text{ nhấ}}$	Điểm giá (điểm)
(1)	(2)	(3)

Ghi chú:

(1) Là giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC của nhà thầu.

(2) Là giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.

(3) Điểm giá = (2) x (100 hoặc 1000)/(1).

B. Xác định điểm tổng hợp

Đề xuất về kỹ thuật		Đề xuất về tài chính		Điểm tổng hợp	Điểm ưu đãi (nếu có)	Điểm tổng hợp sau ưu đãi
Điểm kỹ thuật	K%	Điểm giá	G%			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Điểm kỹ thuật của nhà thầu đang xét;

(2) Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong HSMT;

(3) Lấy ở bảng xác định điểm giá;

(4) Tỷ trọng điểm về giá quy định trong HSMT;

(5) = (1) x (2) + (3) x (4);

(6) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa: điểm ưu đãi ở Mẫu 3B;

(7) = (5) + (6).

Mẫu số 5 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))	
2	Giá trị giảm giá (nếu có)	
3	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có)	
	Phương pháp giá thấp nhất⁽¹⁾	
4	Δ_{UD} (nếu có) ⁽²⁾	
5	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có)	
	Phương pháp giá đánh giá⁽³⁾	
4	Δ_G	
5	Δ_{UD} (nếu có) ⁽⁴⁾	
6	Giá đánh giá	
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá⁽⁵⁾	
4	Điểm giá	
5	Điểm kỹ thuật	
6	Điểm tổng hợp	
7	Điểm ưu đãi (nếu có) ⁽⁶⁾	
8	Điểm tổng hợp sau ưu đãi	

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

(3) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

(2), (4) Δ_{UD} : là giá trị cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi, được xác định như sau: đối với gói thầu mua sắm hàng hóa lấy theo kết quả ở Mẫu số 3A;

(5) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

(6) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, điểm ưu đãi được cộng thêm cho hàng hóa được hưởng ưu đãi (lấy theo kết quả ở Mẫu số 3B);

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

Gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất]
thuộc dự án _____ [Hệ thống trích xuất]
Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất]

I. DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quyết định số: _____ ngày _____ của _____ [ghi tên Chủ đầu tư],
danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật bao gồm:

[Hệ thống trích xuất danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật].

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

1. Mở E-HSDXTC

Trích xuất biên bản mở E-HSDXTC

2. Kết quả đánh giá về tài chính

Trên cơ sở đánh giá về giá của từng E-HSDXTC (Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 5), kết quả đánh giá về giá E-HSDXTC được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

Stt	Nội dung	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))			
2	Giá trị giảm giá (nếu có)			
3	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có)			
	Phương pháp giá thấp nhất			
4	Δ_{UD} (nếu có)			
5	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có)			
6	Xếp hạng E-HSDT			
	Phương pháp giá đánh giá			
4	Δ_G			
5	Δ_{UD} (nếu có)			
6	Giá đánh giá			
7	Xếp hạng E-HSDT			
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá			
4	Điểm giá			
5	Điểm kỹ thuật			
6	Điểm tổng hợp			

7	Điểm ưu đãi (nếu có)			
8	Điểm tổng hợp sau ưu đãi			
9	Xếp hạng E-HSDT			

Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá E-HSDXTC (nếu có).

Ghi chú:

- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, chi phí dự phòng không dùng để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

- Đối với gói thầu xây lắp áp dụng đấu thầu trong nước: việc xếp hạng các E-HSDT cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

+ HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 63/CP.

+ Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSDXTC, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;

2. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

A.4 Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

**2. Mẫu số 63B-Mẫu Báo cáo đánh giá HSDX về tài chính đối với gói
thầu tư vấn**

(Theo Phần II - Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

PHẦN II:

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 1 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH ĐIỂM TỔNG HỢP

(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

HSDT của nhà thầu _____

A. Xác định điểm giá

$G_{\text{nà thầu}}$	$G_{\text{thấp nhất}}$	Điểm giá (điểm)
(1)	(2)	(3)

Ghi chú:

(1) Là giá dự thầu sau trừ giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu trích xuất từ Hệ thống.

(2) Là giá dự thầu sau trừ giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.

(3) Điểm giá = $(2) \times (100 \text{ hoặc } 1000) / (1)$

B. Xác định điểm tổng hợp

Đề xuất về kỹ thuật		Đề xuất về tài chính		Điểm tổng hợp
Điểm kỹ thuật	K%	Điểm giá	G%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Ghi chú:

(1) Điểm kỹ thuật của nhà thầu đang xét trên Hệ thống;

(2) Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong HSMT;

(3) Lấy ở bảng xác định điểm giá;

(4) Tỷ trọng điểm về giá quy định trong HSMT;

(5) = $(1) \times (2) + (3) \times (4)$;

Mẫu số 2 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

HSDT của nhà thầu _____

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn)	
2	Giá trị giảm giá (nếu có)	
3	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có)	
	Phương pháp giá thấp nhất⁽¹⁾	
4	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có)	
	Phương pháp giá cố định⁽²⁾	
5	Giá gói thầu nêu trong HSMT	
6	Kết luận ⁽³⁾	
7	Điểm kỹ thuật của nhà thầu	
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá⁽⁴⁾	
8	Điểm giá	
9	Điểm kỹ thuật	
10	Điểm tổng hợp	

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp áp dụng phương pháp giá cố định hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

(2) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

(3) So sánh giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có) tại stt 7 Mẫu này với giá gói thầu nêu trong HSMT: Trường hợp cao hơn giá gói thầu thì ghi rõ là “Không đáp ứng”, trường hợp không cao hơn giá gói thầu thì ghi rõ là “Đáp ứng”.

(4) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

Gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất*]
thuộc dự án _____ [*Hệ thống trích xuất*]
Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

I. DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quyết định số: _____ ngày _____ của _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*],
danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật bao gồm:

[*Liệt kê danh sách nhà thầu trong quyết định phê duyệt*]

A.5 II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

A.5.1. 1. Mở E-HSDXTC

Trích xuất biên bản mở E-HSDXTC

2. Kết quả đánh giá về tài chính

Trên cơ sở đánh giá về giá của từng E-HSDXTC (*Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 2*), kết quả đánh giá về giá được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

Stt	Nội dung	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))			
2	Giá trị giảm giá (nếu có)			
3	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có)			
	Phương pháp giá thấp nhất			
4	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có)			
	Phương pháp giá cố định			
5	Giá gói thầu nêu trong HSMT			
6	Kết luận			
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá			
7	Điểm giá			

8	Điểm kỹ thuật			
9	Điểm tổng hợp			

Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá E-HSDXTC (nếu có).

A.6 III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

Trên cơ sở đánh giá HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 2** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 2

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDXTC			
	Phương pháp giá thấp nhất			
2	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có)			
3	Xếp hạng các HSDT*			
	Phương pháp giá cố định			
4	Điểm kỹ thuật			
5	Xếp hạng các HSDT*			
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá			
6	Điểm tổng hợp			
7	Xếp hạng các HSDT*			

Ghi chú:

- * Đối với gói thầu tư vấn đấu thầu trong nước: việc xếp hạng các HSDT tại stt 3, 5 và 7 cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

(i) HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 63/CP.

(ii) Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSDXTC, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;
2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;
3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về

đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý;

V. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

A.7 Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

PHẦN III:
A.8 DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

Stt	Tài liệu	Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)
I	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
1.	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
2.	Quyết định phê duyệt HSMT	
3.	Văn bản thành lập tổ chuyên gia	
4.	Quy chế làm việc của tổ chuyên gia (nếu có)	
5.	Bản cam kết của từng thành viên trong tổ chuyên gia	
6.	Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu hoặc chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu của các thành viên trong tổ chuyên gia (bản chụp)	
II	Đánh giá E-HSĐXKT	
7.	Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá E-HSĐXKT	
8.	Văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	
9.	Văn bản thông báo danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	
10.	Biên bản mở E-HSĐXTC	
III	Đánh giá E-HSĐXTC	
11.	Văn bản yêu cầu làm rõ E-HSMT, làm rõ E-HSMT (nếu có)	
12.	Văn bản yêu cầu làm rõ E-HSDT, làm rõ E-HSDT (nếu có)	
13.	Các tài liệu khác có liên quan	

3. Mẫu số 63C - Mẫu Báo cáo đánh giá HSDX về tài chính đối với đấu thầu không qua mạng
(Theo Phần II - Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

**PHẦN II:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH**

(tên gói thầu)

(tên dự án)

(tên Bên mời thầu)

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
ĐÁNH GIÁ HSDT]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời thầu]

I. DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quyết định số: _____ ngày _____ về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của _____ [ghi tên Chủ đầu tư], danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật bao gồm:

[Liệt kê danh sách nhà thầu theo quyết định phê duyệt].

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSDXTC

1. Mở HSDXTC

Phần này ghi rõ các thông tin dưới đây:

- Thời gian và địa điểm mở HSDXTC;
- Danh sách các nhà thầu được mở HSDXTC;
- Các vấn đề trong quá trình mở HSDXTC cần xử lý tình huống.

2. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp của HSDXTC do Bên mời thầu thực hiện, kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

Stt	Tên nhà thầu	Nội dung không thống nhất		Ghi chú
		Bản gốc	Bản chụp	

3. Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC

a) Trên cơ sở kiểm tra tính hợp lệ của HSDXTC (lập theo Mẫu số 1); đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXTC (lập theo Mẫu số 2), kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDXTC được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt/không đạt)	Ghi chú

b) Thuyết minh về các trường hợp HSDXTC không hợp lệ (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDXTC).

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDXTC (nếu có). Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDXTC của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDXTC của nhà thầu liên quan đến tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDXTC.

4. Kết quả đánh giá về tài chính

Trên cơ sở đánh giá về giá của từng HSDXTC (lập theo Mẫu số 10), kết quả đánh giá về giá được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Bảng số 3

Stt	Nội dung	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có))			
2	Giá trị sửa lỗi			
3	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch			
4	Tỷ lệ % sai lệch thiếu			
5	Giá trị giảm giá (nếu có)			
6	Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có)			
7	Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có)			
8	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có)			
	Phương pháp giá thấp nhất¹⁷			
9	Δ_{USD} (nếu có)			
10	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có)			
	Phương pháp giá đánh giá¹⁸			
11	Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng			
12	Δ_{USD} (nếu có)			
13	Giá đánh giá			
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá¹⁹			
14	Điểm giá			
15	Điểm kỹ thuật			
16	Điểm tổng hợp			
17	Điểm ưu đãi (nếu có)			
18	Điểm tổng hợp sau ưu đãi			

¹⁷ Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

¹⁸ Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

¹⁹ Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá HSDXTC (nếu có).

Ghi chú:

Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, chi phí dự phòng không dùng để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HSDXTC

Trên cơ sở đánh giá HSDXTC của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá HSDXTC được tổng hợp theo **Bảng số 4** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 4

Stt	Nội dung	Nhà thầu		
		A	B	...
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC			
	Phương pháp giá thấp nhất²⁰			
2	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính giá trị ưu đãi (nếu có) ²¹			
3	Xếp hạng các HSDT*			
	Phương pháp giá đánh giá²²			
4	Giá đánh giá ²³			
5	Xếp hạng các HSDT*			
	Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá²⁴			
6	Điểm tổng hợp ²⁵			
7	Xếp hạng các HSDT*			

Ghi chú:

- * Đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp áp dụng đấu thầu trong nước: việc xếp hạng các HSDT tại mục số 3, 5 và 7 cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

(i) HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 63/CP.

(ii) Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

- Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần thì việc đánh giá HSDT và xét

²⁰ Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

²¹ Kết chuyển từ stt 10 Bảng số 3.

²² Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì bỏ nội dung này.

²³ Kết chuyển từ stt 13 Bảng số 3.

²⁴ Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá thì bỏ nội dung này.

²⁵ Kết chuyển từ stt 18 Bảng số 3.

duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá); tổng điểm tổng hợp cao nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

IV. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ²⁶

Trong trường hợp HSMT cho phép chào phương án kỹ thuật thay thế để tìm kiếm những đề xuất sáng tạo của nhà thầu mang lại hiệu quả cao hơn cho gói thầu thì cần đánh giá phương án đề xuất thay thế của nhà thầu xếp hạng thứ nhất và đề xuất các nội dung cụ thể để Bên mời thầu và nhà thầu thương thảo trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá HSDXTC, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;
2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;
3. Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

VI. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

Stt	Nội dung đánh giá	Ý kiến bảo lưu	Lý do	Ký tên

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

²⁶ Trường hợp HSMT không cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế thì xóa bỏ nội dung này.

**Mẫu số 64 - Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu,
bao gồm Mẫu số 64A đối với đấu thầu qua mạng; Mẫu số 64B đối với đấu
thầu không qua mạng**
*(Đối với đấu thầu qua mạng theo Phụ lục 2B kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-
BKHDĐT; đối với đấu thầu không qua mạng theo Phụ lục 5B kèm theo Thông tư
số 23/2015/TT-BKHĐT)*

1. Mẫu số 64A - Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu đối với nhà thầu qua mạng
(Theo Phụ lục 2B kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT)

[TEN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu....²⁷

[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

(đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến quá trình đánh giá E-HSDXTC:

- *Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*
- *Biên bản mở E-HSDXTC;*
- *Báo cáo đánh giá E-HSDXTC của tổ chuyên gia.*

2. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu mô tả quá trình đánh giá E-HSDXTC, tóm tắt các mốc thời gian và ngày tháng ban hành các quyết định, văn bản có liên quan như sau:

- *Thời gian mở E-HSDXTC;*
- *Thời gian đánh giá E-HSDXTC của tổ chuyên gia;*
- *Các vấn đề trong quá trình đánh giá E-HSDXTC; các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;*
- *Kết luận của tổ chuyên gia.*

b) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

c) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

3. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá E-HSDT, _____ *[ghi tên Bên mời thầu]* kiến nghị _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu theo KHLCNT]:*

[Danh sách xếp hạng các nhà thầu theo thứ tự].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**

(ký tên, đóng dấu (nếu có))

²⁷ Danh sách xếp hạng nhà thầu không cần phải thẩm định trước khi phê duyệt. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không xếp hạng nhà thầu.

2. Mẫu số 64B - Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu đối với đấu thầu không qua mạng
(Theo Phụ lục 5B kèm theo Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu....²⁸

[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến quá trình đánh giá HSDXTC:

- Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;
- Biên bản mở HSDXTC;
- Báo cáo đánh giá HSDXTC của tổ chuyên gia.

2. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu mô tả quá trình đánh giá HSDXTC, tóm tắt các mốc thời gian và ngày tháng ban hành các quyết định, văn bản có liên quan như sau:

- Thời gian mở HSDXTC;
- Thời gian đánh giá HSDXTC của tổ chuyên gia;
- Các vấn đề trong quá trình đánh giá HSDXTC; các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;
- Kết luận của tổ chuyên gia.

b) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

c) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

3. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSDT, _____ *[ghi tên Bên mời thầu]* kiến nghị _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu theo KHLCNT]:*

[Danh sách xếp hạng các nhà thầu theo thứ tự].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**

(ký tên, đóng dấu (nếu có))

²⁸ Danh sách xếp hạng nhà thầu không cần phải thẩm định trước khi phê duyệt. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không xếp hạng nhà thầu.

Mẫu số 65 - Mẫu Giấy đăng ký sử dụng tài khoản và mẫu dấu, mẫu chữ ký
(Theo Mẫu số 17 - Phụ lục III kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

GIẤY ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VÀ MẪU DẤU, MẪU CHỮ KÝ

Đăng ký mới Đăng ký bổ sung Mã số hồ sơ:

Kính gửi Kho bạc Nhà nước: **Sơn La**

Tên đơn vị: **Ban QLDA ĐTXD huyện A** Mã ĐVQHNS: **1234567**

QĐ thành lập số: **123/QĐ-UBND** Do cơ quan: **UBND huyện B**

Cấp Ngày/tháng/năm: **01/01/2015**

Tên cơ quan cấp trên: **UBND huyện B**

Họ và tên Chủ tài khoản: **Nguyễn Văn C**

Văn bản bổ nhiệm số: **124/QĐ-UBND** Ngày/tháng/năm: **01/01/2020**

Họ và tên Kế toán trưởng: **Nguyễn Thị D**

Văn bản bổ nhiệm số: **125/QĐ-UBND** Ngày/tháng/năm: **01/01/2020**

Mẫu dấu, mẫu chữ ký:

Chữ ký thứ nhất		Chữ ký thứ hai	
Mẫu chữ ký số (1) và (2) của người ký chữ ký thứ nhất phải giống nhau <i>(01 Chủ tài khoản và 03 người được ủy quyền)</i>		Mẫu chữ ký số (1) và (2) của người ký chữ ký thứ hai phải giống nhau <i>(01 Kế toán trưởng và 02 người được ủy quyền)</i>	
Chủ tài khoản		Kế toán trưởng	
Họ tên: Nguyễn Văn C	1	Họ tên: Nguyễn Thị D	1
Chức vụ: Giám đốc	2		2
Người được ủy quyền		Người được ủy quyền	
Họ tên:	1	Họ tên:	1
Chức vụ:	2	Chức vụ:	2
Người được ủy quyền		Người được ủy quyền	
Họ tên:	1	Họ tên:	1
Chức vụ:	2	Chức vụ:	2
Người được ủy quyền			
Họ tên:	1		
Chức vụ:	2		

Mẫu dấu: (1)

(2)

ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN:

STT	PHẦN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN CỦA ĐƠN VỊ GIAO DỊCH	PHẦN DÀNH CHO KHO BẠC NHÀ NƯỚC	
		Kho bạc Nhà nước đồng ý đăng ký sử dụng tài khoản theo chi tiết	Có giá trị đến ngày
Tài khoản dự toán <i>(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều tài khoản trong trường hợp đơn vị giao dịch có nhiều nguồn kinh phí, Chủ đầu tư có nhiều dự án, dự án từ nhiều nguồn vốn thuộc nhiều cấp ngân sách đối với tài khoản dự toán)</i>			
1	1.1. Mã ĐVQHNS/Mã DA: 2345678 Mã nguồn NSNN: 42 thuộc cấp NS: 2 Nội dung giao dịch: Dự toán chi ĐTXD cơ bản dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện dã chiến A	1.3. Số tài khoản:
	1.2. Mã ĐVQHNS/Mã DA Mã nguồn NSNN thuộc cấp NS ... Nội dung giao dịch:	1.4. Số tài khoản:
Tài khoản tiền gửi, có tính chất tiền gửi <i>(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều tài khoản trong trường hợp đơn vị giao dịch đăng ký nhiều tài khoản tiền gửi, tài khoản có tính chất tiền gửi khác nhau)</i>			
1	1.1. Mã ĐVQHNS/Mã DA thuộc cấp NS Mã CTMT, DA và HTCT..... Nội dung giao dịch:	1.3. Số tài khoản:
	1.2. Mã ĐVQHNS/Mã DA thuộc cấp NS Mã CTMT, DA và HTCT..... Nội dung giao dịch:	1.4. Số tài khoản:
...
Tài khoản thu, chi của cơ quan quản lý thu <i>(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều TK trong trường hợp đơn vị giao dịch đăng ký nhiều tài khoản tiền gửi, tài khoản có tính chất tiền gửi khác nhau)</i>			
1	1.1. Mã CQ thu: Nội dung giao dịch:	1.3. Số tài khoản:
	1.2. Mã CQ thu: Nội dung giao dịch:	1.4. Số tài khoản:

....., ngày 15 tháng 3 năm 2021

Chủ tài khoản*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

DÀNH CHO KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Kho bạc Nhà nước đồng ý theo yêu cầu đăng ký sử dụng tài khoản của đơn vị:

Ngày tài khoản bắt đầu có hiệu lực:

Đã kiểm soát đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Duyệt y
....., ngày....tháng....năm.....
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 66 - Mẫu Giấy đề nghị thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký
(Theo Mẫu số 18 - Phụ lục III kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI MẪU DẤU, MẪU CHỮ KÝ

Thay đổi hồ sơ pháp lý Thay đổi mẫu dấu Thay đổi mẫu chữ ký

Mã số hồ sơ:

Kính gửi Kho bạc Nhà nước:

Tên đơn vị: Mã ĐVQHNS:

QĐ thành lập số: Do cơ quan: Cấp Ngày/tháng/năm:

Tên cơ quan cấp trên:

Họ và tên Chủ tài khoản:

Văn bản bổ nhiệm số Ngày/tháng/năm

Họ và tên Kế toán trưởng:

Văn bản bổ nhiệm số Ngày/tháng/năm

Lý do thay đổi:

Mẫu dấu, mẫu chữ ký:

Chữ ký thứ nhất Mẫu chữ ký số (1) và (2) của người ký chữ ký thứ nhất phải giống nhau (01 Chủ tài khoản và 03 người được ủy quyền)		Chữ ký thứ hai Mẫu chữ ký số (1) và (2) của người ký chữ ký thứ hai phải giống nhau (01 Kế toán trưởng và 02 người được ủy quyền)	
Chủ tài khoản Họ tên: Chức vụ:	1 2	Kế toán trưởng Họ tên:	1 2
Người được ủy quyền Họ tên: Chức vụ:	1 2	Người được ủy quyền Họ tên: Chức vụ:	1 2
Người được ủy quyền Họ tên: Chức vụ:	1 2	Người được ủy quyền Họ tên: Chức vụ:	1 2
Người được ủy quyền Họ tên: Chức vụ:	1 2		

Mẫu dấu: (1) (2)

THAY ĐỔI NÀY ÁP DỤNG CHO TÀI KHOẢN:

STT	PHẦN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN CỦA ĐƠN VỊ GIAO DỊCH	PHẦN DÀNH CHO KHO BẠC NHÀ NƯỚC	
		Kho bạc Nhà nước đồng ý đăng ký sử dụng tài khoản theo chi tiết	Có giá trị đến ngày
Tài khoản dự toán <i>(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều tài khoản trong trường hợp đơn vị giao dịch có nhiều nguồn kinh phí, Chủ đầu tư có nhiều dự án, dự án từ nhiều nguồn vốn thuộc nhiều cấp ngân sách đối với tài khoản dự toán)</i>			
1	1.1. Mã ĐVQHNS/Mã DA Mã nguồn NSNN.....thuộc cấp NS..... Nội dung giao dịch:	1.3. Số tài khoản:	
	1.2. Mã ĐVQHNS/Mã DA Mã nguồn NSNN.....thuộc cấp NS..... Nội dung giao dịch:		
...
Tài khoản tiền gửi, có tính chất tiền gửi <i>(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều TK trong trường hợp đơn vị giao dịch đăng ký nhiều tài khoản tiền gửi, tài khoản có tính chất tiền gửi khác nhau)</i>			
1	1.1. Mã ĐVQHNS/Mã DA... thuộc cấp NSMã CTMT, DA và HTCT . Nội dung giao dịch:	1.3. Số tài khoản:	
	1.2. Mã ĐVQHNS/Mã DA thuộc cấp NSMã CTMT, DA và HTCT . Nội dung giao dịch:		
...
Tài khoản thu, chi của cơ quan quản lý thu <i>(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều TK trong trường hợp đơn vị giao dịch đăng ký nhiều tài khoản tiền gửi, tài khoản có tính chất tiền gửi khác nhau)</i>			

1	1.1. Mã CQ thu: Nội dung giao dịch:	1.3. Số tài khoản:	
2	1.2. Mã CQ thu: Nội dung giao dịch:	1.4. Số tài khoản:	
...

....., ngày ... tháng..... năm
Chủ tài khoản
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DÀNH CHO KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Kho bạc Nhà nước đồng ý theo yêu cầu thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký tài khoản của đơn vị:

Ngày tài khoản bắt đầu có hiệu lực:

Đã kiểm soát đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Duyệt y
....., ngày ... tháng.... năm
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 67 - Mẫu Giấy đề nghị cam kết chi ngân sách nhà nước
(Theo Mẫu số 4a - Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY ĐỀ NGHỊ CAM KẾT CHI NSNN
VNĐ Ngoại tệ
KPTX KPĐT

Ký hiệu: C2-12/NS
Số:
Năm NS:

Đơn vị đề nghị cam kết chi NSNN:

Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách/Mã dự án đầu tư:

Tên dự án đầu tư:

Mở tài khoản tại KBNN.....

I. Thông tin chung về cam kết chi

Tên nhà cung cấp:

TK nhà cung cấp:

Tại Ngân hàng:

Số hợp đồng giấy:

Ngày ký hợp đồng (hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực):

Mã số hợp đồng khung đã CKC:.....

Giá trị hợp đồng giấy:

Số tiền đã CKC các năm trước:.....

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:.....
Có TK:.....
Mã ĐBHC:.....
Số CKC, HĐK:.....
Số CKC, HĐTH:
Mã số NCC:

II. Thông tin chi tiết về cam kết chi

STT	Mã NDKT	Mã Cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã Nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền theo nguyên tệ	Số tiền quy ra VNĐ
1									
2									
...									
Tổng cộng:									

Tổng số tiền VNĐ bằng chữ:

Tổng Số tiền nguyên tệ bằng chữ:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày... tháng... năm...

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 68 - Mẫu Giấy đề nghị điều chỉnh cam kết chi ngân sách nhà nước
(Theo Mẫu số 4b - Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY ĐIỀU CHỈNH CAM KẾT CHI NSNN
VNĐ Ngoại tệ
KPTX KPĐT

Ký hiệu: C2-13/NS
Số:
Năm NS:

Đơn vị đề nghị điều chỉnh cam kết chi NSNN:.....
Tên dự án đầu tư:.....
.....
.....
.....
Mã ĐVQHNS/Mã dự án đầu tư:
Mở tài khoản tại KBNN:
Tên nhà cung cấp:
Mã số nhà cung cấp:.....
TK nhà cung cấp: Tại Ngân hàng:.....
Hợp đồng khung, số CKC:Hợp đồng thực
hiện, số CKC:
Theo hợp đồng giấy số:Ngày ký hợp đồng
(hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực).....

PHẦN KBNN GHI	
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Căn cứ hợp đồng đã được cam kết chi tại KBNN, đề nghị KBNN điều chỉnh một số thông tin liên quan đến cam kết chi như sau:

I. Thông tin chung về cam kết chi

Thông tin đã hạch toán:

Tài khoản nhà cung cấp:.....
Tên ngân hàng nhà cung cấp:

Thông tin đề nghị điều chỉnh bổ sung:

Tài khoản nhà cung cấp:
Tên ngân hàng nhà cung cấp:

II. Thông tin chi tiết về cam kết chi

Stt	Thông tin đã hạch toán							Thông tin đề nghị điều chỉnh lại							Số tiền	
	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Nguyên tệ	VNĐ
1																
2																
...																

III. Thông tin điều chỉnh về số tiền cam kết chi

Stt	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngàn h KT	Mã CTM T, DA	Mã Nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền đã cam kết chi		Số tiền CKC đề nghị điều chỉnh				Số tiền CKC sau điều chỉnh	
								Nguyên tệ	VND	Tăng		Giảm		Nguyên tệ	VND
										Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND		
1															
2															
3															
....															
Tổng cộng:															

Số tiền bảng chữ: Theo nguyên

tê:

Theo

VND:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày... tháng... năm...

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 69 - Mẫu Thông báo khởi công xây dựng công trình
(Theo Phụ lục V kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO KHỞI CÔNG XÂY DỰNG
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: (2)

..... (3)

..... (1)..... báo cáo về việc khởi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng như sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng:..... thuộc dự án.....
2. Địa điểm xây dựng:.....
3. Tên và địa chỉ của chủ đầu tư:
4. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:.....
5. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng (nêu quy mô, các thông số kỹ thuật chủ yếu và công năng sử dụng của các hạng mục công trình, công trình xây dựng).
6. Danh sách các nhà thầu chính và nhà thầu phụ (nếu có): (tổng thầu, các nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, quản lý dự án).
7. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...;
- Hồ sơ gửi kèm (4)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên của chủ đầu tư.
- (2) Tên cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương nơi xây dựng công trình.
- (3) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này trong trường hợp công trình thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định này.
- (4) Các trường hợp quy định tại các điểm b, e, h và i khoản 2 Điều 89 Luật số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 gửi kèm hồ sơ thiết kế xây dựng; trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 Luật số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 thì hồ sơ gửi kèm bao gồm: hồ sơ thiết kế xây dựng và các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp phép xây dựng.

Mẫu số 70 - Mẫu Hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng, bao gồm Mẫu số 70A - Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng và Mẫu số 70B - Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP)

(Theo Phụ lục VI, bao gồm Phụ lục VIa. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng, Phụ lục VIb. Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP)

1. Mẫu số 70A – Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng
(Theo Phụ lục Via kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:..... (2).....

.....(1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng:.....(3)..... thuộc dự án.....
2. Địa điểm xây dựng:.....
3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:.....
4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị....(2).... tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên của chủ đầu tư.
- (2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.

2. Mẫu số 70B - Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình (Theo Phụ lục Vib kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP)

I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG

1. Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).
2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
3. Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.
4. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).
5. Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.
6. Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
7. Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
8. Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.
9. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
10. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.

II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
2. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
3. Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.
4. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
5. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

III. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
2. Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).
3. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.
4. Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.
5. Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.
6. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.
7. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).

8. Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.
9. Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình.
10. Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:
 - a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;
 - b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;
 - c) An toàn môi trường;
 - d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;
 - đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);
 - e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;
 - g) Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt;
 - h) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
11. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).
12. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
13. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
14. Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này (nếu có).
15. Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (nếu có).
16. Các hồ sơ/văn bản/tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

Ghi chú:

Khi gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 24 Nghị định này, chủ đầu tư chỉ gửi danh mục liệt kê các tài liệu nêu tại Phụ lục này trừ các hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 13, 14, 15 Phụ lục này.

Mẫu số 71 - Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu
(Theo Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: (2).....

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày ... tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ giấy phép xây dựng (4);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế được thẩm định tại văn bản số.....;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của Chủ đầu tư số... ngày...;

Căn cứ báo cáo khắc phục tồn tại của Chủ đầu tư số.... ngày... (nếu có);

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy số..... (nếu có);

Căn cứ văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số..... (nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

Căn cứ kết quả kiểm tra đối với công trình ngày.....,

.....(1)..... chấp thuận kết quả nghiệm thu của.....(2)..... để đưa vào sử dụng đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình:.....(3)....

b) Địa điểm xây dựng:.....

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

- Các yêu cầu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

(2) Tên của chủ đầu tư.

(3) Ghi rõ tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi nghiệm thu.

(4) Trường hợp miễn giấy phép xây dựng: ghi căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật.